

THỜI KHÓA BIỂU HỌC KỲ: I - NĂM HỌC: 2024-2025

(Đối với các khóa: K19, K20, K21)

TT	Mã học phần	Số TC	Tên lớp hp	Số ĐK	Tên giáo viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Ghi chú
								Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	
1	ELP331	3	Bảo điện tử_01(BC 21)	0	Vi Thị Phương	26/08/2024-08/12/2024	15	7,8	3A.301											
					Vi Thị Phương		15							7,8	3A.302					
2	MIS331	3	Bảo trì hệ thống thông tin_01(TT 19)	0	Bế Quang Huân	19/08/2024-10/11/2024	12	10,11	PM 3											
					Bế Quang Huân		12					10,11	PM 3							
3	CHT241	4	Biên dịch tiếng Trung_01(TQ1 20)	4	MG: Phùng Thị Tuyết	16/09/2024-29/12/2024	15							7,8	3B.103					
					MG: Phùng Thị Tuyết		15									9,10	3B.103			
4	CHT241	4	Biên dịch tiếng Trung_02(TQ2 20)	2	MG: Phùng Thị Tuyết	16/09/2024-29/12/2024	15							9,10	3B.103					
					MG: Phùng Thị Tuyết		15									7,8	3B.103			
5	CHT241	4	Biên dịch tiếng Trung_03(TQ3 20)	1	MG: Quách Thị Nga	16/09/2024-29/12/2024	15	10,11	3B.103											
					MG: Quách Thị Nga		15					8,9	3B.103							
6	CHT241	4	Biên dịch tiếng Trung_04(TQ4 20)	0	MG: Quách Thị Nga	16/09/2024-29/12/2024	15	8,9	3B.103											
					MG: Quách Thị Nga		15					10,11	3B.103							

TT	Mã học phần	Số TC	Tên lớp hp	Số ĐK	Tên giáo viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Ghi chú
								Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	
7	BID341	4	Biên mục mô tả_01(TV 21)	0	Trịnh Thị Hiền	19/08/2024-01/12/2024	15									9,10,11	3A.303			
8	LAP233	3	Bộ máy lưu trữ và tra cứu TT_01(TV 19, TV 20)	0	Trịnh Thị Hiền	19/08/2024-27/10/2024	10	7,8,9	3A.203											
9	VOL231	3	Bóng chuyền_01(TD 21)	0	Đỗ Thái Phong	19/08/2024-01/12/2024	15			1,2,3	Sân tập 4									
10	BAS231	3	Bóng rổ_01(TD 20)	0	Đỗ Thái Phong	16/09/2024-29/12/2024	15	1,2,3	Sân bóng rổ											
11	SAT331	3	Các phương pháp phân tích cấu trúc vật rắn_01(Lý 19)	0	Nguyễn Văn Khiển	19/08/2024-10/11/2024	12	7,8	CP.4 (Lý)											
					Nguyễn Văn Khiển		12					7,8	CP.4 (Lý)							
12	BAD231	3	Cầu lông_01(TD 21)	0	Lê Trung Kiên	19/08/2024-01/12/2024	15					9,10,11	Sân tập 4							
13	MOD341	4	Chẩn đoán phân tử_01(CNSH 19)	1	Trương A Tài	19/08/2024-27/10/2024	10			9,10,11	3B.504									
14	MOD341	4	Chẩn đoán phân tử_01(CNSH 19)_TH1	1	Trương A Tài	02/09/2024-10/11/2024	10	1,2,3	PTN											
15	MOD341	4	Chẩn đoán phân tử_01(CNSH 19)_TH2	0	Trương A Tài	02/09/2024-10/11/2024	10									1,2,3	PTN			
16	PES331	3	Chi trả dịch vụ hệ sinh thái_01(QLTN 19, QLTN 20)	0	Vi Thuý Linh	19/08/2024-27/10/2024	10	1,2,3	3A.302											
					Vi Thuý Linh	16/09/2024-27/10/2024	6	7,8,9,10,11	Thực hành											
17	BMS331	3	Chiến lược kinh doanh và marketing_01(KHQL 19)	4	MG: La Thị Duyên	19/08/2024-10/11/2024	12									7,8	3B.302			
					MG: La Thị Duyên		12					8,9	3B.402							

TT	Mã học phần	Số TC	Tên lớp hp	Số ĐK	Tên giáo viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Ghi chú
								Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	
18	KOP231	3	Chính trị Hàn Quốc_01(HQ1 20)	2	Đặng Văn Duy	16/09/2024-29/12/2024	15									7,8,9	3A.404			
19	KOP231	3	Chính trị Hàn Quốc_02(HQ2 20)	5	Đặng Văn Duy	16/09/2024-29/12/2024	15	7,8,9	3A.501											
20	KOP231	3	Chính trị Hàn Quốc_03(HQ3 20)	0	Đặng Văn Duy	16/09/2024-29/12/2024	15							7,8,9	3A.502					
21	HKM221	2	Chủ nghĩa xã hội khoa học_01(TQ1 21)	52	Lý Thị Thu Huyền	19/08/2024-01/12/2024	15									7,8	3A.101			
22	HKM221	2	Chủ nghĩa xã hội khoa học_02(TQ2 21)	46	Lý Thị Thu Huyền	19/08/2024-01/12/2024	15							7,8	3A.103					
23	HKM221	2	Chủ nghĩa xã hội khoa học_03(TQ3 21)	47	MG: Đinh Thị Tuyết	19/08/2024-01/12/2024	15									7,8	3A.201			
24	HKM221	2	Chủ nghĩa xã hội khoa học_04(TQ4 21)	48	Lý Thị Thu Huyền	19/08/2024-01/12/2024	15					7,8	3A.202							
25	HKM221	2	Chủ nghĩa xã hội khoa học_05(TQ5 21)	67	MG: Đinh Thị Tuyết	19/08/2024-01/12/2024	15	7,8	3A.204											
26	HKM221	2	Chủ nghĩa xã hội khoa học_06(AT 21)	15	Lý Thị Thu Huyền	19/08/2024-01/12/2024	15					10,11	3A.304							
27	HKM221	2	Chủ nghĩa xã hội khoa học_07(Anh 21, AH 21)	10	Lý Thị Thu Huyền	19/08/2024-01/12/2024	15	7,8	3A.201											
28	HKM221	2	Chủ nghĩa xã hội khoa học_08(Luật1 21)	0	Lý Thị Thu Huyền	19/08/2024-01/12/2024	15			7,8	3A.401									
29	HKM221	2	Chủ nghĩa xã hội khoa học_09(Luật2 21)	1	Lý Thị Thu Huyền	19/08/2024-01/12/2024	15	9,10	3A.402											
30	HKM221	2	Chủ nghĩa xã hội khoa học_10(BC 20, Văn 20, DL 20)	4	Lê Thị Quỳnh Liu	16/09/2024-29/12/2024	15					1,2	3A.304							
31	HKM221	2	Chủ nghĩa xã hội khoa học_11(Luật1 19, Luật2 19)	12	Lê Thị Quỳnh Liu	19/08/2024-27/10/2024	10									9,10,11	3B.303			

TT	Mã học phần	Số TC	Tên lớp hp	Số ĐK	Tên giáo viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Ghi chú
								Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	
32	TMC241	4	Cơ sở di truyền và sinh học phân tử_01(CNSH 21)	0	Nguyễn Thị Hải Yến	19/08/2024-27/10/2024	10	9,10,11	3A.303											
					Nguyễn Thị Hải Yến	09/09/2024-01/12/2024	12					7,8,9,10,11	PTN							
33	TLD421	2	Công nghệ hóa phân tích môi trường_01(Hóa 19, Hóa 20)	0	Phạm Thị Thu Hà	19/08/2024-27/10/2024	10	9,10,11	CP.5 (Hóa)											
34	BTM321	2	Công nghệ hoá sinh trong y học_01(CNSH 19)	1	Nguyễn Thị Thu Huyền	19/08/2024-13/10/2024	8	10,11	3B.401											
35	BTM321	2	Công nghệ hoá sinh trong y học_01(CNSH 19)_TH1	1	Nguyễn Thị Thu Huyền	02/09/2024-10/11/2024	10					1,2,3	PTN							
36	BTM321	2	Công nghệ hoá sinh trong y học_01(CNSH 19)_TH2	0	Nguyễn Thị Thu Huyền	02/09/2024-10/11/2024	10					7,8,9	PTN							
37	ENT231	3	Công nghệ môi trường_01(MT 20)	0	Nguyễn Thu Huyền	16/09/2024-24/11/2024	10			1,2,3	CP.1 (MT)									
					Nguyễn Thu Huyền	14/10/2024-24/11/2024	6					1,2,3,4,5	Thực hành							
38	MTM331	3	Công nghệ vi sinh trong y học_01(CNSH 19)	1	Trịnh Ngọc Hoàng	19/08/2024-27/10/2024	10	7,8,9	3B.401											
39	MTM331	3	Công nghệ vi sinh trong y học_01(CNSH 19)_TH1	1	Trịnh Ngọc Hoàng	02/09/2024-10/11/2024	10							1,2,3	PTN					
40	MTM331	3	Công nghệ vi sinh trong y học_01(CNSH 19)_TH2	0	Trịnh Ngọc Hoàng	02/09/2024-10/11/2024	10							7,8,9	PTN					
41	HIW331	3	Công pháp quốc tế_01(DVPL 21)	8	Nguyễn Thị Quỳnh Trang	02/09/2024-24/11/2024	12							7,8	3A.503					
					Nguyễn Thị Quỳnh Trang		12	7,8,9	3A.503											
42	SIG432	3	Công tác xã hội với nhóm_01(CTXH 20)	0	Nguyễn Thị Ngọc Mai	16/09/2024-29/12/2024	15							2,3	3A.503					

TT	Mã học phần	Số TC	Tên lớp hp	Số ĐK	Tên giáo viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Ghi chú
								Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	
43	PBW331	3	Công tác xây dựng Đảng qua các thời kỳ (1930 - 2015)_01(Sử 20)	0	MG: Lê Văn Hiếu	16/09/2024-08/12/2024	12					8,9,10,11	3A.505							
44	SEM331	3	CTXH với dân tộc thiểu số_01(CTXH 19)	5	Tạ Thị Thảo	19/08/2024-27/10/2024	10					9,10,11	3A.301							
45	SWR331	3	CTXH với người khuyết tật_01(CTXH 19)	5	Nguyễn Thị Ngọc Mai	19/08/2024-27/10/2024	10			7,8,9	3B.104									
46	SWH431	3	CTXH với người nghèo_01(CTXH 19)	5	Nguyễn Thị Hồng Trâm	19/08/2024-27/10/2024	10							9,10,11	3B.401					
47	BIO331	3	Đa dạng sinh học_01(Hóa 21)	0	Nguyễn Thị Yến	19/08/2024-01/12/2024	15									7,8,9	3A.403			
48	LAG132	3	Đại số tuyến tính và Hình học giải tích A2_01(Toán 21, TT 21)	0	Phạm Hồng Nam	19/08/2024-01/12/2024	15	9,10,11	3A.104											
49	LPP331	3	Đảng lãnh đạo cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân (1930 – 1975)_01(Sử 20)	0	Đoàn Thị Yến	16/09/2024-29/12/2024	15			7,8,9	3A.303									
50	EIA331	3	Đánh giá tác động môi trường_01(QLTN 21, Dược 19, Dược 20)	8	Nguyễn Thị Nhâm Tuất	19/08/2024-01/12/2024	15							10,11	3A.501					
					Nguyễn Thị Nhâm Tuất	16/09/2024-27/10/2024	6											1,2,3,4,5	Thực hành	
51	TDH331	3	Đào tạo và phát triển nhân lực_01(KHQL 19)	4	Nguyễn Thị Kim Phương	19/08/2024-10/11/2024	12	7,8,9,10	3B.501											
52	PRO431	3	Đề án 1 (Khởi nghiệp)_01(KND 19, KND 20)	2	Trương Phúc Hưng	19/08/2024-27/10/2024	10					3,4,5	3A.104							
53	TDE331	3	Dịch thuật 1_01(Anh 20)	0	Nguyễn Giang An	16/09/2024-29/12/2024	15					3,4,5	3A.501							
54	TDE332	3	Dịch thuật 2_01(Anh 19)	0	Nguyễn Thị Quế	19/08/2024-10/11/2024	12	7,8	3B.302											
					Nguyễn Thị Quế		12					10,11	3B.302							

TT	Mã học phần	Số TC	Tên lớp hp	Số ĐK	Tên giáo viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Ghi chú
								Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	
55	VKT241	4	Đổi dịch Việt – Hàn_01(HQ1 19)	12	MG: Nguyễn Hồng Minh	19/08/2024-10/11/2024	12	10,11	3B.202											
					MG: Nguyễn Hồng Minh		12			3,4,5	3A.302									
56	VKT241	4	Đổi dịch Việt – Hàn_02(HQ2 19)	0	MG: Nguyễn Hồng Minh	19/08/2024-10/11/2024	12	7,8,9	3B.204											
					MG: Nguyễn Hồng Minh		12			1,2	3A.302									
57	GDJ231	3	Du lịch văn hóa_01(DL 20)	0	Nguyễn Thị Suối Linh	16/09/2024-29/12/2024	15					3,4	3A.203							
58	CIP421	2	Dược động học_01 (Dược 19, Dược 20)	0	Cao Thanh Hải	19/08/2024-27/10/2024	10	1,2,3	CP.5 (Hóa)											
59	ANA132	3	Giải tích A2_01(Toán 21, TT 21)	0	Dương Thị Hồng	19/08/2024-01/12/2024	15			9,10,11	3A.203									
60	NUA231	3	Giải tích số_01(Toán 20, TT 20)	0	Nguyễn Thanh Hường	16/09/2024-29/12/2024	15	3,4,5	3A.203											
61	MAC333	3	Giảm nhẹ và thích ứng với BĐKH_01(QLTN 19, QLTN 20)	0	Nguyễn Thị Bích Hạnh	19/08/2024-27/10/2024	10			1,2,3	3A.403									
					Nguyễn Thị Bích Hạnh	02/09/2024-13/10/2024	6					1,2,3,4,5	Thực hành							
62	PHE132	1	Giáo dục thể chất 2_01(TQ1 21)	62	Nguyễn Đức Toàn	19/08/2024-27/10/2024	10	1,2,3	Sân tập 2											
63	PHE132	1	Giáo dục thể chất 2_02(TQ2 21)	33	Đỗ Thái Phong	19/08/2024-27/10/2024	10							1,2,3	Sân tập 1					
64	PHE132	1	Giáo dục thể chất 2_03(TQ3 21)	46	Đỗ Thái Phong	19/08/2024-27/10/2024	10									1,2,3	Sân tập 2			
65	PHE132	1	Giáo dục thể chất 2_04(TQ4 21)	47	Đỗ Thái Phong	19/08/2024-27/10/2024	10					1,2,3	Sân tập 2							
66	PHE132	1	Giáo dục thể chất 2_05(TQ5 21)	75	Nguyễn Đức Toàn	19/08/2024-27/10/2024	10							1,2,3	Sân tập 2					

TT	Mã học phần	Số TC	Tên lớp hp	Số ĐK	Tên giáo viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Ghi chú
								Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	
67	PHE133	1	Giáo dục thể chất 3_01 (Luật1 20, DVPL 20)	6	Lê Trung Kiên	16/09/2024-24/11/2024	10									8,9,10	Sân tập 3			
68	PHE133	1	Giáo dục thể chất 3_02 (Luật2 20)	0	Lê Trung Kiên	16/09/2024-24/11/2024	10			8,9,10	Sân tập 3									
69	PHE133	1	Giáo dục thể chất 3_03 (KHQL 21, HóaGV 21, HóaCN 21)	31	Dương Minh Cường	19/08/2024-27/10/2024	10	1,2,3	Sân tập 3											
70	PHE133	1	Giáo dục thể chất 3_04 (AT 21)	14	Dương Văn Tiệp	19/08/2024-27/10/2024	10					1,2,3	Sân tập 3							
71	PHE133	1	Giáo dục thể chất 3_05 (Anh 21, TT 21, Toán 21)	8	Dương Minh Cường	19/08/2024-27/10/2024	10					3,4,5	Sân tập 3							
72	PHE133	1	Giáo dục thể chất 3_06 (Văn 21, CTXH 21, CNSH 21)	23	Lê Trung Kiên	19/08/2024-27/10/2024	10			1,2,3	Sân tập 3									
73	PHE133	1	Giáo dục thể chất 3_07 (DL 21, KND 21, TV 21, Lý 21, Sử 21)	8	Dương Văn Tiệp	19/08/2024-27/10/2024	10	3,4,5	Sân tập 3											
74	PHE133	1	Giáo dục thể chất 3_08 (QTDV 21, QLTN 21)	22	Lê Trung Kiên	19/08/2024-27/10/2024	10									1,2,3	Sân tập 3			
75	PHE133	1	Giáo dục thể chất 3_09 (Luật1 21, DVPL 21)	8	Lê Trung Kiên	19/08/2024-27/10/2024	10							1,2,3	Sân tập 3					
76	PHE133	1	Giáo dục thể chất 3_10 (Luật2 21, AH 21)	3	Nguyễn Đức Toàn	19/08/2024-27/10/2024	10			3,4,5	Sân tập 3									
77	PHE133	1	Giáo dục thể chất 3_11 (HQ1 21, HQ3 21)	5	Dương Văn Tiệp	19/08/2024-27/10/2024	10	9,10,11	Sân tập 3											
78	PHE133	1	Giáo dục thể chất 3_12 (HQ2 21, HQ3 21)	9	Dương Minh Cường	19/08/2024-27/10/2024	10							9,10,11	Sân tập 3					
79	CUC232	3	Giao tiếp văn hóa 2_01(TQ1 20)	5	MG: Vũ Thanh Huyền	16/09/2024-	12							9,10	3B.403					
					MG: Vũ Thanh Huyền	08/12/2024	12									7,8	3B.101			

TT	Mã học phần	Số TC	Tên lớp hp	Số ĐK	Tên giáo viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Ghi chú
								Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	
80	CUC232	3	Giao tiếp văn hóa 2_02(TQ2 20)	2	MG: Vũ Thanh Huyền	16/09/2024-08/12/2024	12							7,8	3B.403					
					MG: Vũ Thanh Huyền		12									9,10	3B.101			
81	CUC232	3	Giao tiếp văn hóa 2_03(TQ3 20)	0	MG: Vũ Thanh Huyền	16/09/2024-08/12/2024	12							1,2	3A.204					
					MG: Vũ Thanh Huyền		12									3,4	3A.204			
82	CUC232	3	Giao tiếp văn hóa 2_04(TQ4 20)	0	MG: Vũ Thanh Huyền	16/09/2024-08/12/2024	12							3,4	3A.301					
					MG: Vũ Thanh Huyền		12									1,2	3A.301			
83	FIA231	3	Hàm thực và giải tích hàm_01(Toán 20, TT 20)	0	Trương Minh Tuyên	16/09/2024-29/12/2024	15							1,2,3	3A.203					
84	GAS231	3	Hành chính học đại cương_01(KHQL 20)	5	Bê Hồng Cúc	16/09/2024-29/12/2024	15			1,2,3	3A.404									
85	HBS231	3	Hành vi con người và môi trường xã hội_01 (CTXH 21)	9	Nguyễn Hồng Cúc	19/08/2024-01/12/2024	15			9,10,11	3A.104									
86	CHE722	2	Hóa học phức chất_01 (Hóa 19, Hóa 20)	0	Nguyễn Thị Ngọc Linh	19/08/2024-27/10/2024	10							7,8,9	CP.5 (Hóa)					
87	ORC231	3	Hóa hữu cơ_01(Hóa 21, HóaGV 21)	0	Vũ Tuấn Kiên	19/08/2024-01/12/2024	15	9,10,11	3A.302											
88	PHC331	3	Hóa lý_01(Hóa 21)	0	Trương Thị Thảo	19/08/2024-17/11/2024	13	7,8	3A.403											
					Trương Thị Thảo		13							7,8	3A.403					
89	ANC231	3	Hóa phân tích_01(Hóa 21)	0	Nguyễn Thị Kim Ngân	19/08/2024-01/12/2024	15							9,10,11	3A.403					

TT	Mã học phần	Số TC	Tên lớp hp	Số ĐK	Tên giáo viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Ghi chú
								Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	
90	FHT331	3	Hoạch định và tuyển dụng nhân lực_01 (KHQL 19)	4	Bế Hồng Cúc	19/08/2024-10/11/2024	12					10,11	3B.402							
					Nguyễn Thị Linh		12									9,10	3B.501			
91	STU321	2	Khởi nghiệp_01(QTDV 19)	0	Trương Phúc Hưng	19/08/2024-27/10/2024	10									7,8,9	3B.102			
92	STU321	2	Khởi nghiệp_02(TD 20)	0	Bùi Trọng Tài	16/09/2024-29/12/2024	15			4,5	3A.503									
93	SUS331	3	Kinh doanh dịch vụ bổ sung_01(DL 19)	0	Lê Thị Anh	19/08/2024-27/10/2024	10			7,8,9	3B.503									
94	SUS331	3	Kinh doanh dịch vụ bổ sung_02(QTDV 19)	0	Lê Thị Anh	19/08/2024-27/10/2024	10					7,8,9	3B.501							
95	EIM121	2	Kinh tế chính trị Mác - Lênin_01(TT 21, Toán 21, HóaGV 21, Sử 21)	4	Lê Thị Sự	19/08/2024-01/12/2024	15	7,8	3A.104											
96	EIM121	2	Kinh tế chính trị Mác - Lênin_02(BC 21, DVPL 21, TD 21)	7	Trịnh Thị Nghĩa	19/08/2024-01/12/2024	15			9,10	3A.503									
97	EIM121	2	Kinh tế chính trị Mác - Lênin_03(Văn 21, Lý 21)	12	Trịnh Thị Nghĩa	19/08/2024-01/12/2024	15							7,8	3A.301					
98	EIM121	2	Kinh tế chính trị Mác - Lênin_04(DL 21)	10	Trịnh Thị Nghĩa	19/08/2024-01/12/2024	15							9,10	3B.402					
99	EIM121	2	Kinh tế chính trị Mác - Lênin_05(QTDV 21)	19	Đinh Thị Hiền	19/08/2024-01/12/2024	15					7,8	3B.403							
100	EIM121	2	Kinh tế chính trị Mác - Lênin_06(KHQL 21)	31	Lê Thị Sự	19/08/2024-01/12/2024	15	10,11	3B.301											
101	EIM121	2	Kinh tế chính trị Mác - Lênin_07(HQ1 21)	12	Lê Thị Sự	19/08/2024-01/12/2024	15			4,5	3A.101									
102	EIM121	2	Kinh tế chính trị Mác - Lênin_08(HQ2 21)	1	Lê Thị Sự	19/08/2024-01/12/2024	15							1,2	3A.103					
103	EIM121	2	Kinh tế chính trị Mác - Lênin_09(HQ3 21, CTXH 21)	13	Trịnh Thị Nghĩa	19/08/2024-01/12/2024	15			7,8	3A.202									

TT	Mã học phần	Số TC	Tên lớp hp	Số ĐK	Tên giáo viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Ghi chú
								Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	
104	HFD333	3	Kinh tế du lịch_01(DL 21)	10	Chu Thành Huy	19/08/2024-01/12/2024	15							7,8	3B.402					
105	HFD333	3	Kinh tế du lịch_02 (QTDV 21)	21	Chu Thành Huy	19/08/2024-01/12/2024	15			10,11	3B.403									
106	KOE231	3	Kinh tế Hàn Quốc_01 (HQ1 21)	11	Hoàng Lâm	19/08/2024-01/12/2024	15	3,4,5	3A.101											
107	KOE231	3	Kinh tế Hàn Quốc_02 (HQ2 21)	2	Hoàng Lâm	19/08/2024-01/12/2024	15					3,4,5	3A.103							
108	KOE231	3	Kinh tế Hàn Quốc_03 (HQ3 21)	3	MG: Trần Nhuận Kiên	19/08/2024-01/12/2024	15			1,2,3	3A.104									
109	CEC231	3	Kinh tế Trung Quốc_01 (TQ1 20)	4	MG: Nguyễn Thị Minh Anh	16/09/2024-29/12/2024	15	3,4,5	3A.201											
110	CEC231	3	Kinh tế Trung Quốc_02 (TQ2 20)	2	MG: Nguyễn Thị Minh Anh	16/09/2024-29/12/2024	15			3,4,5	3A.202									
111	CEC231	3	Kinh tế Trung Quốc_03 (TQ3 20)	2	MG: Nguyễn Thị Minh Anh	16/09/2024-29/12/2024	15					3,4,5	3A.204							
112	CEC231	3	Kinh tế Trung Quốc_04 (TQ4 20)	0	MG: Nguyễn Thị Minh Anh	16/09/2024-29/12/2024	15									3,4,5	3A.301			
113	CNS321	2	Kỹ năng đàm phán, soạn thảo hợp đồng_01(Luật1 19)	3	Nguyễn Thị Thu Hường	19/08/2024-10/11/2024	12	10,11	3B.303											
					Nguyễn Thị Thu Hường		12					8,9	3B.303							
114	CNS321	2	Kỹ năng đàm phán, soạn thảo hợp đồng_02(Luật2 19)	9	Nguyễn Thị Thu Hường	19/08/2024-10/11/2024	12	8,9	3B.304											
					Nguyễn Thị Thu Hường		12					10,11	3B.304							
115	NDC331	3	Kỹ năng đàm phán, soạn thảo hợp đồng_03(DVPL 19)	0	Nguyễn Thị Thu Hường	19/08/2024-03/11/2024	11							7,8	3B.401					
					Nguyễn Thị Thu Hường		11			9,10,11	3B.401									



TT	Mã học phần	Số TC	Tên lớp hp	Số ĐK	Tên giáo viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Ghi chú
								Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	
116	PRS331	3	Kỹ năng dẫn chương trình_01(BC 19)	0	Nguyễn Thái Sơn	19/08/2024-10/11/2024	12			7,8,9	PNV									
					Đinh Thị Quỳnh Trang		12							7,8	PNV					
117	HFG232	3	Kỹ năng dẫn chương trình phát thanh - truyền hình_01(Văn 20, Văn 19)	0	Đinh Thị Quỳnh Trang	16/09/2024-29/12/2024	15									3,4,5	3B.104			
118	SRK231	3	Kỹ năng đọc viết tiếng Hàn_01(HQ1 21)	10	Trần Thị Thanh Hương	19/08/2024-01/12/2024	15							1,2,3	3A.101					
119	SRK231	3	Kỹ năng đọc viết tiếng Hàn_02(HQ2 21)	5	Trần Thị Thanh Hương	19/08/2024-01/12/2024	15									3,4,5	3A.103			
120	SRK231	3	Kỹ năng đọc viết tiếng Hàn_03(HQ3 21, AH 21)	6	Trần Thị Thanh Hương	19/08/2024-01/12/2024	15					3,4,5	3A.404							
121	LDR321	2	Kỹ năng giải quyết tranh chấp đất đai_01(Luật1 19)	3	Trịnh Vương An	19/08/2024-27/10/2024	10			4,5	3A.102									
					Trịnh Vương An		10									7,8	3A.303			
122	LDR321	2	Kỹ năng giải quyết tranh chấp đất đai_02(Luật2 19)	9	Trịnh Vương An	19/08/2024-27/10/2024	10							7,8,9,10	3B.304					
123	CTO332	3	Kỹ năng giao tiếp_01 (HQ1 21)	11	Nghiêm Thị Hồ Thu	19/08/2024-01/12/2024	15									3,4,5	3A.101			
124	CTO332	3	Kỹ năng giao tiếp_02 (HQ2 21)	2	Nghiêm Thị Hồ Thu	19/08/2024-01/12/2024	15							3,4,5	3A.103					
125	CTO332	3	Kỹ năng giao tiếp_03 (HQ3 21, Anh 21)	8	Nguyễn Thị Trà My	19/08/2024-01/12/2024	15							3,4,5	3A.404					
126	CTO332	3	Kỹ năng giao tiếp_04 (AT 21)	14	Trịnh Thị Thu Hoà	19/08/2024-01/12/2024	15							9,10,11	3A.301					
127	CTO332	3	Kỹ năng giao tiếp_05 (TQ1 20)	5	Nguyễn Thị Trà My	16/09/2024-29/12/2024	15			3,4,5	3A.201									
128	CTO332	3	Kỹ năng giao tiếp_06 (TQ2 20)	3	Nguyễn Thị Trà My	16/09/2024-29/12/2024	15	1,2,3	3A.202											

TT	Mã học phần	Số TC	Tên lớp hp	Số ĐK	Tên giáo viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Ghi chú
								Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	
129	CTO332	3	Kỹ năng giao tiếp_07 (TQ3 20)	0	Trịnh Thị Thu Hoà	16/09/2024-29/12/2024	15	1,2,3	3A.204											
130	CTO332	3	Kỹ năng giao tiếp_08 (TQ4 20)	0	Trịnh Thị Thu Hoà	16/09/2024-29/12/2024	15			1,2,3	3A.301									
131	DPS241	4	Kỹ năng thảo luận và thuyết trình tiếng Hàn_01(HQ1 19)	8	MG: Lee Seung Baek	19/08/2024-10/11/2024	12			10,11	3B.202									
					MG: Lee Seung Baek		12									7,8,9	3B.202			
					MG: Lee Seung Baek	07/10/2024-10/11/2024	5											9,10,11	Thực hành	
132	DPS241	4	Kỹ năng thảo luận và thuyết trình tiếng Hàn_02(HQ2 19)	3	MG: Lee Seung Baek	19/08/2024-10/11/2024	12			7,8,9	3B.204									
					MG: Lee Seung Baek		12									10,11	3B.202			
					MG: Lee Seung Baek	02/09/2024-06/10/2024	5											8,9,10	Thực hành	
133	SWO332	3	Kỹ năng thuyết trình tiếng Anh_01(Anh 21)	8	Nguyễn Thị Quế	19/08/2024-01/12/2024	15					7,8,9	3A.302							
134	SWO332	3	Kỹ năng thuyết trình tiếng Anh_02(AT 21 1)	9	Nguyễn Thị Quế	19/08/2024-01/12/2024	15	9,10,11	3A.304											
135	SWO332	3	Kỹ năng thuyết trình tiếng Anh_03(AH 21, AT 21 2)	7	Nguyễn Thị Quế	19/08/2024-01/12/2024	15			7,8,9	3A.301									
136	SWO332	3	Kỹ năng thuyết trình tiếng Anh_04(Văn 21)	14	Nguyễn Thị Quế	19/08/2024-01/12/2024	15									7,8,9	3A.302			
137	SWO332	3	Kỹ năng thuyết trình tiếng Anh_05(TT 21, Toán 21, HóaGV 21, Sử 21)	1	Nguyễn Thị Quế	19/08/2024-01/12/2024	15							7,8,9	3A.104					

TT	Mã học phần	Số TC	Tên lớp hp	Số ĐK	Tên giáo viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Ghi chú
								Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	
138	LAM321	2	Kỹ năng trợ giúp pháp lý và hòa giải_01(DVPL 19)	0	Nguyễn Thị Hoàng Lan	19/08/2024-22/09/2024	5			7,8	3B.401									
					Nguyễn Thị Hoàng Lan		5					9,10	3B.401							
					Dương Thị Thúy	23/09/2024-27/10/2024	5			7,8	3B.401									
					Dương Thị Thúy		5					9,10	3B.401							
139	GRT231	3	Kỹ thuật đồ họa_01(BC 21)	0	Nguyễn Thái Sơn	19/08/2024-01/12/2024	15					9,10	PNV							
					Nguyễn Thái Sơn		15									9,10,11	PNV			
140	GJK421	2	Kỹ thuật phân tích kiểm định được phẩm_01 (Được 19, Được 20)	0	Nguyễn Thị Kim Ngân	19/08/2024-10/11/2024	12			1,2,3	CP.5 (Hóa)									
141	CHA421	2	Kỹ thuật phân tích quang phổ_01 (Hóa 19, Hóa 20)	0	Nguyễn Thị Thu Thúy	19/08/2024-27/10/2024	10			7,8,9	CP.5 (Hóa)									
142	GFK421	2	Kỹ thuật sắc ký trong phân tích thuốc_01 (Được 19, Được 20)	0	Nguyễn Thị Thu Thúy	19/08/2024-10/11/2024	12					1,2,3	CP.5 (Hóa)							
143	KFG231	3	Kỹ thuật soạn thảo văn bản hành chính_01 (DVPL 21)	7	Lê Thanh Huyền	19/08/2024-24/11/2024	14											2,3,4,5	3A.302	
144	TCR331	3	Kỹ thuật tiến hành phản ứng và tách chất_01(Hóa 19, Hóa 20)	0	Lưu Tuấn Dương	19/08/2024-10/11/2024	12	7,8	CP.5 (Hóa)											
					Lưu Tuấn Dương		12			10,11	CP.5 (Hóa)									
145	NWT231	3	Kỹ thuật viết tin_01(BC 21)	0	Phạm Anh Nguyên	19/08/2024-01/12/2024	15					7,8	PNV							
					Phạm Anh Nguyên		15									7,8	PNV			

TT	Mã học phần	Số TC	Tên lớp hp	Số ĐK	Tên giáo viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Ghi chú
								Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	
146	WEB331	3	Lập trình Web 1_01(TT 19)	0	Nguyễn Huyền Trang	19/08/2024-10/11/2024	12	8,9	PM 3											
					Nguyễn Huyền Trang		12					8,9	PM 3							
147	THP331	3	Lịch sử báo chí_01(BC 19)	0	Phạm Anh Nguyên	19/08/2024-29/09/2024	6	10,11	3B.201											
					Phạm Anh Nguyên		6					10,11	3B.201							
					Phạm Thị Hải Yến	30/09/2024-10/11/2024	6					10,11	3B.201							
					Phạm Thị Hải Yến		6	10,11	3B.201											
148	JFG221	2	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam_01(BC 19, Văn 19, DL 19)	0	Lý Thị Thu Huyền	19/08/2024-27/10/2024	10							9,10,11	3B.504					
149	JFG221	2	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam_02(QTDV 19)	0	Lý Thị Thu Huyền	19/08/2024-27/10/2024	10			9,10,11	3B.501									
150	JFG221	2	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam_03(KND 19, DVPL 19, QLTN 19, QLTN 20)	1	Lý Thị Thu Huyền	19/08/2024-27/10/2024	10									9,10,11	3B.401			
151	JFG221	2	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam_04(Toán 20, TT 20, CNSH 20)	1	Lê Thị Quỳnh Liu	16/09/2024-29/12/2024	15							4,5	3A.104					
152	JFG221	2	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam_05(Anh 20)	1	Đặng Văn Duy	16/09/2024-29/12/2024	15							1,2	3A.501					
153	JFG221	2	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam_06(AT 20, AH 20, CTXH 20)	0	Đặng Văn Duy	16/09/2024-29/12/2024	15									1,2	3A.502			
154	JFG221	2	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam_07(KHQL 20)	5	Lê Thị Quỳnh Liu	16/09/2024-29/12/2024	15									4,5	3A.404			

TT	Mã học phần	Số TC	Tên lớp hp	Số ĐK	Tên giáo viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Ghi chú
								Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	
155	VIH231	3	Lịch sử tiếng Việt_01(Văn 19)	0	Trịnh Thị Thu Hoà	19/08/2024-10/11/2024	12	8,9	3B.504											
					Trịnh Thị Thu Hoà		12					7,8	3B.504							
156	CHH231	3	Lịch sử Trung Quốc_01(TQ1 19)	0	Nguyễn Văn Tiến	19/08/2024-10/11/2024	12	9,10	3B.101											
					Nguyễn Văn Tiến		12						7,8	3B.101						
					Nguyễn Văn Tiến	19/08/2024-08/09/2024	3									7,8,9,10,11	Thực hành			
157	CHH231	3	Lịch sử Trung Quốc_02(TQ2 19)	0	Nguyễn Văn Tiến	19/08/2024-10/11/2024	12	7,8	3B.102											
					Nguyễn Văn Tiến		12						9,10,11	3B.102						
					Nguyễn Văn Tiến	09/09/2024-29/09/2024	3									7,8,9,10,11	Thực hành			
158	HMI131	3	Lịch sử tư tưởng quản lý_01(KHQL 21)	32	Nguyễn Thanh Huyền	19/08/2024-06/10/2024	7					7,8,9	3B.301							
					Nguyễn Thị Linh	07/10/2024-01/12/2024	8					7,8,9	3B.301							
159	NEF331	3	Lịch sử Việt Nam_01(QTDV 21)	20	Mai Thị Hồng Vĩnh	19/08/2024-01/12/2024	15	7,8,9	3B.403											
160	VHI241	4	Lịch sử Việt Nam cổ trung đại_01(Sử 21)	1	Đỗ Hằng Nga	19/08/2024-01/12/2024	15	9,10	3A.403											
					Đỗ Hằng Nga		15			9,10	3A.402									
161	VDC331	3	Liên kết văn bản tiếng Việt_01(Văn 19)	0	Nguyễn Thị Trà My	19/08/2024-10/11/2024	12	10,11	3B.504											
					Nguyễn Thị Trà My		12					9,10	3B.504							
162	LOG223	2	Logic học_01(DVPL 21)	7	Nguyễn Thanh Huyền	19/08/2024-24/11/2024	14									9,10,11	3A.503			



TT	Mã học phần	Số TC	Tên lớp hp	Số ĐK	Tên giáo viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Ghi chú
								Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	
163	LOG131	3	Logic học đại cương_01(KHQL 21, TV 21)	31	Nguyễn Thị Linh	19/08/2024-01/12/2024	15							7,8	3B.301					
					Nguyễn Thị Linh		15									7,8	3B.301			
164	CIL331	3	Luật Dân sự 1_01(Luật1 21)	2	Nguyễn Hải Ngân	19/08/2024-17/11/2024	13	9,10	3A.401											
					Nguyễn Hải Ngân		13							9,10	3A.401					
165	CIL331	3	Luật Dân sự 1_02(Luật2 21)	1	Ma Thị Thanh Hiếu	19/08/2024-17/11/2024	13					7,8	3A.402							
					Ma Thị Thanh Hiếu		13							7,8	3A.402					
166	CIL331	3	Luật dân sự 1_03(DVPL 21)	8	Ma Thị Thanh Hiếu	19/08/2024-24/11/2024	14					9,10	3A.503							
					Ma Thị Thanh Hiếu		14							9,10	3A.503					
167	LOL431	3	Luật Đất đai_01(DVPL 20)	5	Trịnh Vương An	16/09/2024-01/12/2024	11					1,2,3	3A.303							
					Trịnh Vương An		11			10,11	3A.302									
168	ADL331	3	Luật hành chính_01 (KHQL 21)	31	Trịnh Vương An	19/08/2024-01/12/2024	15	7,8,9	3B.301											
169	CRL431	3	Luật Hình sự 1_01(Luật1 21)	1	Nguyễn Hoàng Ly	19/08/2024-17/11/2024	13	7,8	3A.401											
					Nguyễn Hoàng Ly		13							7,8	3A.401					
170	CRL431	3	Luật Hình sự 1_02(Luật2 21)	1	Nguyễn Hoàng Ly	19/08/2024-17/11/2024	13					9,10	3A.402							
					Nguyễn Hoàng Ly		13							9,10	3A.402					

TT	Mã học phần	Số TC	Tên lớp hp	Số ĐK	Tên giáo viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Ghi chú
								Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	
171	CRL431	3	Luật Hình sự 1_03(DVPL 21)	7	Nguyễn Hoàng Ly	19/08/2024-24/11/2024	14			7,8	3A.503									
					Nguyễn Hoàng Ly		14									7,8	3A.503			
172	MFL331	3	Luật Hôn nhân và gia đình_01(Luật1 20)	0	Dương Thị Thúy	16/09/2024-15/12/2024	13											2,3,4,5	3A.104	
173	MFL331	3	Luật Hôn nhân và gia đình_02(Luật2 20)	0	Nguyễn Hải Ngân	16/09/2024-15/12/2024	13					2,3	3A.402							
					Nguyễn Hải Ngân		13							4,5	3A.402					
174	SLD331	3	Luật Lao động_01(Luật1 20)	1	Tổng Thị Thu Trang	16/09/2024-15/12/2024	13	2,3	3A.401											
					Tổng Thị Thu Trang		13							2,3	3A.401					
175	SLD331	3	Luật Lao động_02(Luật2 20)	0	Nguyễn Thị Thu Hường	16/09/2024-15/12/2024	13					4,5	3A.402							
					Nguyễn Thị Thu Hường		13	4,5	3A.402											
176	SLD331	3	Luật Lao động_03(DVPL 20)	4	Tổng Thị Thu Trang	16/09/2024-29/12/2024	15	4,5	3A.303											
					Tổng Thị Thu Trang		15							4,5	3A.303					
177	SLD221	2	Luật Lao động_04(KHQL 20)	5	Tổng Thị Thu Trang	16/09/2024-29/12/2024	15			4,5	3A.404									
178	GIF331	3	Luật Tài chính_01(Luật1 20)	0	Nguyễn Thị Thùy Giang	16/09/2024-15/12/2024	13			2,3	3A.401									
					Nguyễn Thị Thùy Giang		13									2,3	3A.401			
179	GIF331	3	Luật Tài chính_02(Luật2 20)	0	Nguyễn Thị Thùy Giang	16/09/2024-15/12/2024	13			4,5	3A.402									
					Nguyễn Thị Thùy Giang		13									4,5	3A.402			

TT	Mã học phần	Số TC	Tên lớp hp	Số ĐK	Tên giáo viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Ghi chú
								Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	
180	FBL241	4	Luật Tài chính – Ngân hàng_01(DVPL 20)	5	Nguyễn Thị Thùy Giang	16/09/2024-29/12/2024	15											3,4,5	3A.102	
					Nguyễn Thị Thùy Giang		15					4,5	3A.303							
181	CPL232	3	Luật Tổ tụng dân sự_01(Luật1 20)	1	Nguyễn Hải Ngân	16/09/2024-15/12/2024	13			4,5	3A.401									
					Nguyễn Hải Ngân		13									4,5	3A.401			
182	CPL232	3	Luật Tổ tụng dân sự_02(Luật2 20)	0	Ma Thị Thanh Hiếu	16/09/2024-15/12/2024	13									10,11	3A.404			
					Ma Thị Thanh Hiếu		13	7,8	3A.303											
183	CPL232	3	Luật Tổ tụng dân sự_03(DVPL 20)	4	Nguyễn Hải Ngân	16/09/2024-22/12/2024	14			2,3	3A.303									
					Nguyễn Hải Ngân		14									2,3	3A.303			
184	GKI331	3	Luật Tổ tụng hình sự_01(Luật1 20)	0	Dương Thị Xuân Quý	16/09/2024-15/12/2024	13	4,5	3A.401											
					Dương Thị Xuân Quý		13							4,5	3A.401					
185	GKI331	3	Luật Tổ tụng hình sự_02(Luật2 20)	0	Dương Thị Xuân Quý	16/09/2024-15/12/2024	13	2,3	3A.402											
					Dương Thị Xuân Quý		13							2,3	3A.402					
186	CLM322	2	Luật tục các DTTS Việt Nam_01(Luật1 20)	0	Lường Thị Hạnh	16/09/2024-08/12/2024	12					3,4,5	3A.401							
187	CLM322	2	Luật tục các DTTS Việt Nam_02(Luật2 20)	0	Lường Thị Hạnh	16/09/2024-08/12/2024	12			1,2,3	3A.402									
188	LTH231	3	Lý luận văn học_01(Văn 21)	14	Vũ Thị Hạnh	19/08/2024-01/12/2024	15							3,4,5	3A.502					

TT	Mã học phần	Số TC	Tên lớp hp	Số ĐK	Tên giáo viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Ghi chú
								Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	
189	MKT231	3	Lý thuyết Hàn ngữ hiện đại_01(HQ1 20)	2	MG: Lưu Tuấn Anh	16/09/2024-29/12/2024	15			7,8,9	3A.404									
190	MKT231	3	Lý thuyết Hàn ngữ hiện đại_02(HQ2 20)	6	MG: Lưu Tuấn Anh	16/09/2024-29/12/2024	15							7,8,9	3A.501					
191	MKT231	3	Lý thuyết Hàn ngữ hiện đại_03(HQ3 20)	0	MG: Lưu Tuấn Anh	16/09/2024-29/12/2024	15					7,8,9	3A.502							
192	TNU331	3	Lý thuyết số_01(Toán 20)	0	Trần Đức Dũng	16/09/2024-29/12/2024	15					1,2,3	3A.102							
193	TRM331	3	Lý thuyết vành và mô đun_01(Toán 20, Toán 19)	0	Nguyễn Thu Hằng	16/09/2024-29/12/2024	15			1,2,3	3A.102									
194	NET331	3	Mạng máy tính_01(TT 20)	0	Hoàng Thị Hà	16/09/2024-29/12/2024	15					3,4,5	PM 4							
195	HFD331	3	Marketing du lịch_01(QTDV 20)	0	Lê Thị Anh	16/09/2024-29/12/2024	15							4,5	3A.304					
196	MPL231	3	Marketing sản phẩm thông tin và dịch vụ thư viện_01(TV 19, TV 20)	0	Nguyễn Minh Nguyệt	19/08/2024-27/10/2024	10					7,8,9	3A.203							
197	MMA331	3	Mô hình toán kinh tế_01(Toán 20, TT 20)	0	Nguyễn Thị Thanh Huyền	16/09/2024-29/12/2024	15									3,4,5	3A.203			
198	SPN431	3	Môi trường và phát triển bền vững_01(Luật 1 21)	0	Nguyễn Thị Nhâm Tuất	19/08/2024-06/10/2024	7			9,10	3A.401									
					Nguyễn Thị Bích Hạnh	07/10/2024-01/12/2024	8			9,10	3A.401									
					Nguyễn Thị Nhâm Tuất	07/10/2024-27/10/2024	3									1,2,3,4,5	Thực hành			
					Nguyễn Thị Bích Hạnh	28/10/2024-17/11/2024	3									1,2,3,4,5	Thực hành			

TT	Mã học phần	Số TC	Tên lớp hp	Số ĐK	Tên giáo viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Ghi chú
								Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	
199	SPN431	3	Môi trường và phát triển bền vững_02(Luật2 21)	1	Nguyễn Thị Hồng Viên	19/08/2024-06/10/2024	7	7,8	3A.402											
					Nguyễn Thị Hồng Viên	16/09/2024-06/10/2024	3											1,2,3,4,5	Thực hành	
					Chu Thị Hồng Huyền	07/10/2024-01/12/2024	8	7,8	3A.402											
					Chu Thị Hồng Huyền	07/10/2024-27/10/2024	3											1,2,3,4,5	Thực hành	
200	LFC133	3	Nghe – ghi chú tiếng Trung 3_01(TQ1 21)	56	Vi Thị Bích Ngọc	19/08/2024-01/12/2024	15	9,10,11	3A.101											
					Vi Thị Bích Ngọc	19/08/2024-08/09/2024	3			1,2,3,4,5	Thực hành									
201	LFC133	3	Nghe – ghi chú tiếng Trung 3_02(TQ2 21)	46	Vi Thị Bích Ngọc	19/08/2024-01/12/2024	15			9,10,11	3A.103									
					Vi Thị Bích Ngọc	09/09/2024-29/09/2024	3			1,2,3,4,5	Thực hành									
202	LFC133	3	Nghe – ghi chú tiếng Trung 3_03(TQ3 21)	47	Vi Thị Bích Ngọc	19/08/2024-01/12/2024	15					9,10,11	3A.201							
					Vi Thị Bích Ngọc	30/09/2024-20/10/2024	3			1,2,3,4,5	Thực hành									
203	LFC133	3	Nghe – ghi chú tiếng Trung 3_04(TQ4 21)	47	Vũ Thảo Nhi	19/08/2024-01/12/2024	15											9,10,11	3A.202	
					Vũ Thảo Nhi	19/08/2024-08/09/2024	3			1,2,3,4,5	Thực hành									
204	LFC133	3	Nghe – ghi chú tiếng Trung 3_05(TQ5 21)	67	Vũ Thảo Nhi	19/08/2024-01/12/2024	15			9,10,11	3A.204									
					Vũ Thảo Nhi	09/09/2024-29/09/2024	3									1,2,3,4,5	Thực hành			
205	LSC332	3	Nghe – Nói Tiếng Trung 2_01(AT 20)	0	Hoàng Kiều Trinh	16/09/2024-29/12/2024	15	3,4,5	3A.502											

TT	Mã học phần	Số TC	Tên lớp hp	Số ĐK	Tên giáo viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Ghi chú
								Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	
206	NFG231	3	Nghệ thuật học_01(BC 20)	0	Vũ Thị Hạnh	16/09/2024-29/12/2024	15									3,4,5	3A.102			
207	CSG341	4	Nghịệp vụ hướng dẫn_01(DL 20 QT)	0	Hoàng Thị Phương Nga	16/09/2024-29/12/2024	15			4,5	3A.104									
					Hoàng Thị Phương Nga	07/10/2024-29/12/2024	12							7,8,9,10,11	DL102					
208	BHS441	4	Nghịệp vụ khách sạn_01(QTDV 21 KS)	9	Đào Thị Hồng Thúy	02/09/2024-10/11/2024	10							7,8,9	3A.203					
209	PTO341	4	Nghịệp vụ lữ hành_01 (DL 21 NH, QTDV 21 LH)	11	Hoàng Thị Phương Nga	19/08/2024-01/12/2024	15	10,11	3B.402											
					Nguyễn Đức Hiếu	09/09/2024-01/12/2024	12					1,2,3,4,5	DL102							
210	PRR341	4	Nghịệp vụ nhà hàng_01(DL 21 KS)	9	Lê Thị Anh	19/08/2024-01/12/2024	15	7,8,9	3B.402											
211	ASP331	3	Nghịệp vụ thư kí hành chính_01(DVPL 20)	4	Lê Thanh Huyền	16/09/2024-22/12/2024	14							2,3	3A.303					
					Lê Thanh Huyền		14									4,5	3A.303			
212	GDF231	3	Nghịệp vụ văn phòng_01(TQ1 20)	3	Vũ Thị Vân	16/09/2024-29/12/2024	15											1,2,3	3A.201	
213	GDF231	3	Nghịệp vụ văn phòng_02(TQ2 20)	2	Bế Hồng Cúc	16/09/2024-29/12/2024	15					1,2,3	3A.202							
214	GDF231	3	Nghịệp vụ văn phòng_03(TQ3 20)	4	Bế Hồng Cúc	16/09/2024-29/12/2024	15							3,4,5	3A.204					
215	GDF231	3	Nghịệp vụ văn phòng_04(TQ4 20)	0	Vũ Thị Vân	16/09/2024-29/12/2024	15											7,8,9	3A.301	
216	GDF231	3	Nghịệp vụ văn phòng_05(KHQL 20, Sứ 20)	5	Vũ Thị Vân	16/09/2024-29/12/2024	15									1,2,3	3A.404			
217	NEF232	3	Ngôn ngữ báo chí_01(BC 20)	0	Phạm Anh Nguyên	16/09/2024-29/12/2024	15	2,3	3A.102											
					Phạm Anh Nguyên		15							1,2	3A.102					

TT	Mã học phần	Số TC	Tên lớp hp	Số ĐK	Tên giáo viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Ghi chú
								Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	
218	NHF341	4	Ngôn ngữ học Anh_01(Anh 20)	0	Cao Duy Trinh	16/09/2024-29/12/2024	15			3,4	3A.501									
					Cao Duy Trinh		15									1,2	3A.104			
219	NHF341	4	Ngôn ngữ học Anh_02(AT 20, AH 20)	0	Cao Duy Trinh	16/09/2024-29/12/2024	15			1,2	3A.502									
					Cao Duy Trinh		15									3,4	3A.502			
220	PRO231	3	Ngôn ngữ lập trình_01(Toán 21, TT 21)	0	Hoàng Thị Hà	19/08/2024-01/12/2024	15									7,8,9,10	PM 3			
221	ENV331	3	Ngữ dụng học tiếng Việt_01(Văn 20)	0	La Thị Mỹ Quỳnh	16/09/2024-29/12/2024	15			1,2,3	3A.203									
222	FJJ231	3	Ngữ pháp tiếng Trung 1_01(TQ1 21)	49	Phan Thị Huệ	19/08/2024-20/10/2024	9			7,8	3A.101									
					Phan Thị Huệ		9					9,10,11	3A.101							
					Phan Thị Huệ	21/10/2024-10/11/2024	3							1,2,3,4,5	Thực hành					
223	FJJ231	3	Ngữ pháp tiếng Trung 1_02(TQ2 21)	49	Phan Thị Huệ	19/08/2024-20/10/2024	9							9,10,11	3A.103					
					Phan Thị Huệ		9					7,8	3A.103							
					Phan Thị Huệ	21/10/2024-10/11/2024	3									1,2,3,4,5	Thực hành			
224	FJJ231	3	Ngữ pháp tiếng Trung 1_03(TQ3 21)	46	Phan Thị Huệ	19/08/2024-20/10/2024	9							7,8	3A.201					
					Phan Thị Huệ		9	9,10,11	3A.201											
					Phan Thị Huệ	21/10/2024-10/11/2024	3	1,2,3,4,5	Thực hành											

TT	Mã học phần	Số TC	Tên lớp hp	Số ĐK	Tên giáo viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Ghi chú
								Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	
225	FJJ231	3	Ngữ pháp tiếng Trung 1_04(TQ4 21)	53	Phan Thị Huệ	19/08/2024-20/10/2024	9			9,10,11	3A.202									
					Phan Thị Huệ		9	7,8	3A.202											
					Phan Thị Huệ	11/11/2024-01/12/2024	3			1,2,3,4,5	Thực hành									
226	FJJ231	3	Ngữ pháp tiếng Trung 1_05(TQ5 21)	67	Hoàng Kiều Trinh	19/08/2024-20/10/2024	9	9,10,11	3A.204											
					Hoàng Kiều Trinh		9					10,11	3A.204							
					Hoàng Kiều Trinh	21/10/2024-10/11/2024	3					1,2,3,4,5	Thực hành							
227	TMP231	3	Nhập môn lý thuyết bài toán đặt không chính_01(Toán 19)	0	Trương Minh Tuyên	19/08/2024-10/11/2024	12					8,9,10,11	3B.104							
228	BPT331	3	Những vấn đề cơ bản về công tác TBDH ở cơ sở giáo dục phổ thông_01(TV 19, TV 21)	0	Hà Thị Thu Hiếu	19/08/2024-10/11/2024	12	10,11	3A.203											
					Hà Thị Thu Hiếu		12					10,11	3A.303							
229	INM221	2	Những vấn đề lớn của thời đại_01(Luật1 21)	0	Lê Văn Cảnh	19/08/2024-01/12/2024	15					10,11	3A.401							
230	INM221	2	Những vấn đề lớn của thời đại_02(Luật2 21)	1	Lê Văn Cảnh	19/08/2024-01/12/2024	15									10,11	3A.402			
231	ENP231	3	Ô nhiễm môi trường_01(QLTN 21)	7	Nguyễn Thị Tuyết	19/08/2024-01/12/2024	15	7,8	3A.302											
					Nguyễn Thị Tuyết	02/09/2024-13/10/2024	6			1,2,3,4,5	Thực hành									
232	GHJ421	2	Phân tích điện và quang học_01(Dược 19, Dược 20)	0	Vương Trường Xuân	19/08/2024-29/09/2024	6							1,2,3	CP.5 (Hóa)					
					Nguyễn Thị Kim Ngân	30/09/2024-10/11/2024	6							1,2,3	CP.5 (Hóa)					

TT	Mã học phần	Số TC	Tên lớp hp	Số ĐK	Tên giáo viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Ghi chú
								Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	
233	APN331	3	Phân tích thiết kế HTTT_01(TT 20)	0	Hoàng Hoài Nam	16/09/2024-29/12/2024	15			3,4,5	PM 3									
234	MST331	3	Phân tích thống kê nhiều chiều_01(Toán 19)	0	Trần Xuân Quý	19/08/2024-10/11/2024	12	8,9,10,11	3B.104											
235	GHF321	2	Phân tích và xử lý số liệu với phần mềm SPSS_01(CTXH 20)	0	Dương Thị Việt An	16/09/2024-17/11/2024	9			1,2,3,4,5	PM 4									
236	LIT231	3	Pháp luật du lịch_01(DL 21, KND 21)	10	Phùng Thị Kim Anh	19/08/2024-01/12/2024	15			7,8,9	3B.402									
237	LIT231	3	Pháp luật du lịch_02 (QTDV 21)	21	Phùng Thị Kim Anh	19/08/2024-01/12/2024	15					9,10,11	3B.403							
238	JDK231	3	Pháp luật về công chứng, chứng thực và xác lập vi bằng_01(DVPL 21)	7	Trịnh Vương An	19/08/2024-24/11/2024	14	10,11	3A.503											
					Trịnh Vương An		14					7,8	3A.503							
239	PSD471	7	Phát triển kỹ năng nghề nghiệp, rèn nghề_01(MT 19, MT 20)	n	Nguyễn Thị Nhâm Tuất	19/08/2024-08/09/2024	3					2,3,4,5	CP.1 (MT)							
					Nguyễn Thị Phương Mai		3									2,3,4,5	CP.1 (MT)			
					Nguyễn Thị Nhâm Tuất	19/08/2024-25/08/2024	1					8,9,10,11	Thực hành							
					Vi Thuỷ Linh	19/08/2024-08/09/2024	3							2,3,4,5	CP.1 (MT)					
					Vi Thuỷ Linh		3							7,8,9,10,11	Thực hành					
					Nguyễn Thị Phương Mai		3									7,8,9,10,11	Thực hành			
					Nguyễn Thị Nhâm Tuất	19/08/2024-25/08/2024	1			1,2,3	CP.1 (MT)									
					Nguyễn Thị Nhâm Tuất	19/08/2024-	3											1,2,3,4	Thực hành	

TT	Mã học phần	Số TC	Tên lớp hp	Số ĐK	Tên giáo viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Ghi chú
								Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	
239	PSD471	7	Phát triển kỹ năng nghề nghiệp, rèn nghề_01(MT 19, MT 20)	0	Nguyễn Thị Nhâm Tuất	08/09/2024	3											8,9,10,11	Thực hành	
					Vi Thuý Linh	26/08/2024-01/09/2024	1			1,2,3	CP.1 (MT)									
					Vi Thuý Linh	26/08/2024-15/09/2024	3			7,8,9,10,11	Thực hành									
					Nguyễn Thị Nhâm Tuất	26/08/2024-01/09/2024	1	1,2,3,4	Thực hành											
					Nguyễn Thị Phương Mai	01/09/2024	1	7,8,9,10,11	Thực hành											
					Nguyễn Thị Phương Mai	26/08/2024-08/09/2024	2					7,8,9,10,11	Thực hành							
					Nguyễn Thị Phương Mai	02/09/2024-08/09/2024	1			1,2,3	CP.1 (MT)									
					Nguyễn Thị Nhâm Tuất	09/09/2024-15/09/2024	1			1,2,3,4	Thực hành									
240	NRP331	3	Phát triển nông thôn mới_01(QLTN 19, QLTN 20)	0	Nguyễn Thị Bích Liên	19/08/2024-27/10/2024	10									1,2,3	3A.402			
					Nguyễn Thị Bích Liên	07/10/2024-17/11/2024	6											1,2,3,4,5	Thực hành	
241	KOI241	4	Phiên dịch Tiếng Hàn_01(HQ1 20)	2	Phạm Thị Tuyết Nhung	16/09/2024-29/12/2024	15	10,11	3A.404											
					Phạm Thị Tuyết Nhung	16/09/2024-29/12/2024	15					7,8,9	3A.404							
242	KOI241	4	Phiên dịch Tiếng Hàn_02(HQ2 20)	6	Phạm Thị Tuyết Nhung	16/09/2024-29/12/2024	15					10,11	3A.501							
					Phạm Thị Tuyết Nhung	16/09/2024-29/12/2024	15									9,10,11	3A.501			
243	KOI241	4	Phiên dịch Tiếng Hàn_03(HQ3 20, AH 20)	0	Phạm Thị Tuyết Nhung	16/09/2024-29/12/2024	15	7,8,9	3A.502											
					Phạm Thị Tuyết Nhung	16/09/2024-29/12/2024	15									7,8	3A.502			

TT	Mã học phần	Số TC	Tên lớp hp	Số ĐK	Tên giáo viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Ghi chú
								Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	
244	ACT231	3	Phiên dịch tiếng Trung nâng cao_01(TQ1 19)	0	MG: Vũ Quý Sơn	19/08/2024-20/10/2024	9											1,2	3A.204	
					MG: Vũ Quý Sơn		9											7,8,9	3A.103	
245	ACT231	3	Phiên dịch tiếng Trung nâng cao_02(TQ2 19)	1	MG: Vũ Quý Sơn	19/08/2024-20/10/2024	9											3,4,5	3A.204	
					MG: Vũ Quý Sơn		9											10,11	3A.103	
246	TRC232	3	Phong tục tập quán 2_01(TQ1 20)	4	MG: Vũ Huyền Trang	16/09/2024-17/11/2024	9					1,2,3	3A.201							
					MG: Vũ Huyền Trang		9											4,5	3A.201	
247	TRC232	3	Phong tục tập quán 2_02(TQ2 20)	2	MG: Vũ Huyền Trang	16/09/2024-17/11/2024	9					4,5	3A.202							
					MG: Vũ Huyền Trang		9											1,2,3	3A.202	
248	TRC232	3	Phong tục tập quán 2_03(TQ3 20)	1	MG: Phạm Minh Tâm	16/09/2024-17/11/2024	9	4,5	3A.204											
					MG: Phạm Minh Tâm		9											3,4,5	3A.301	
249	TRC232	3	Phong tục tập quán 2_04(TQ4 20)	0	MG: Phạm Minh Tâm	16/09/2024-17/11/2024	9			4,5	3A.301									
					MG: Phạm Minh Tâm		9							9,10,11	3B.504					
250	VNH432	3	Phong tục tập quán và lễ hội Việt Nam_01(DL 20)	0	Trần Thế Dương	16/09/2024-29/12/2024	15									1,2,3	3A.302			
251	MSS321	2	Phương pháp điều tra xã hội học_01(CTXH 20)	0	Tạ Thị Thảo	16/09/2024-29/12/2024	15							4,5	3A.503					
252	MSS231	3	Phương pháp điều tra xã hội học_02(CTXH 21)	9	Tạ Thị Thảo	19/08/2024-01/12/2024	15	7,8	3A.102											
253	RME231	3	Phương pháp luận NCKH_01(TQ1 21)	52	Lê Văn Hoàng	19/08/2024-01/12/2024	15									9,10,11	3A.101			

TT	Mã học phần	Số TC	Tên lớp hp	Số ĐK	Tên giáo viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Ghi chú
								Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	
254	RME231	3	Phương pháp luận NCKH_02(TQ2 21)	47	Chu Thị Anh Xuân	19/08/2024-01/12/2024	15											1,2,3	3A.103	
255	RME231	3	Phương pháp luận NCKH_03(TQ3 21)	51	Trần Thu Trang	19/08/2024-01/12/2024	15							9,10,11	3A.201					
256	RME231	3	Phương pháp luận NCKH_04(TQ4 21)	48	Lê Tiến Hà	19/08/2024-01/12/2024	15									9,10,11	3A.202			
257	RME231	3	Phương pháp luận NCKH_05(TQ5 21)	67	Nguyễn Thị Luyến	19/08/2024-01/12/2024	15											7,8,9	3A.204	
258	RME231	3	Phương pháp luận NCKH_06(BC 21, TD 21, Lý 21)	1	Nguyễn Thị Hiền	19/08/2024-01/12/2024	15							9,10,11	3A.302					
259	DJH321	2	Phương pháp NCKH Y Sinh_01 (CNSH 21)	0	Lê Thị Thanh Hương	19/08/2024-01/12/2024	15			7,8	3A.402									
260	DFJ221	2	Phương pháp nghiên cứu trong du lịch_01(KND 21, KND 20)	0	Đỗ Thị Vân Hương	19/08/2024-01/12/2024	15							4,5	3A.203					
261	KIR231	3	Quan hệ quốc tế Hàn Quốc_01(HQ1 19)	11	Nguyễn Thị Huyền Trang	19/08/2024-27/10/2024	10	7,8,9	3B.202											
					Nguyễn Thị Huyền Trang		10					10,11	3B.202							
262	KIR231	3	Quan hệ quốc tế Hàn Quốc_02(HQ2 19)	0	Nguyễn Thị Huyền Trang	19/08/2024-27/10/2024	10	10,11	3B.204											
					Nguyễn Thị Huyền Trang		10					7,8,9	3B.204							
263	CRF231	3	Quan hệ Trung Quốc và chính sách đối ngoại Trung Quốc_01(TQ1 21)	49	Phạm Chiến Thắng	19/08/2024-10/11/2024	12			9,10	3A.101									
					Phạm Chiến Thắng		12							7,8	3A.101					
					Phạm Chiến Thắng	11/11/2024-01/12/2024	3			1,2,3,4,5	Thực hành									

TT	Mã học phần	Số TC	Tên lớp hp	Số ĐK	Tên giáo viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Ghi chú
								Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	
264	CRF231	3	Quan hệ Trung Quốc và chính sách đối ngoại Trung Quốc_02(TQ2 21)	45	Phạm Chiến Thắng	19/08/2024-10/11/2024	12									9,10	3A.103			
					Phạm Chiến Thắng		12	7,8	3A.103											
					Phạm Chiến Thắng	11/11/2024-01/12/2024	3					1,2,3,4,5	Thực hành							
265	CRF231	3	Quan hệ Trung Quốc và chính sách đối ngoại Trung Quốc_03(TQ3 21)	53	Phạm Chiến Thắng	19/08/2024-10/11/2024	12			7,8	3A.201									
					Phạm Chiến Thắng		12											9,10	3A.201	
					Phạm Chiến Thắng	11/11/2024-01/12/2024	3						1,2,3,4,5	Thực hành						
266	CRF231	3	Quan hệ Trung Quốc và chính sách đối ngoại Trung Quốc_04(TQ4 21)	48	Phạm Chiến Thắng	19/08/2024-10/11/2024	12											7,8	3A.202	
					Phạm Chiến Thắng		12	9,10	3A.202											
					Phạm Chiến Thắng	11/11/2024-01/12/2024	3											1,2,3,4,5	Thực hành	
267	CRF231	3	Quan hệ Trung Quốc và chính sách đối ngoại Trung Quốc_05(TQ5 21)	66	Phạm Chiến Thắng	19/08/2024-10/11/2024	12						9,10	3A.204						
					Phạm Chiến Thắng		12								7,8	3A.204				
					Phạm Chiến Thắng	11/11/2024-01/12/2024	3	1,2,3,4,5	Thực hành											
268	WAM331	3	Quản lý chất thải_01 (QLTN 19, QLTN 20)	0	Nguyễn Thu Huyền	19/08/2024-27/10/2024	10						3,4,5	3A.102						
					Nguyễn Thu Huyền	09/09/2024-20/10/2024	6						7,8,9,10,11	Thực hành						
269	MBO221	2	Quản lý hành vi trong tổ chức_01(KHQL 20)	4	Bùi Trọng Tài	16/09/2024-29/12/2024	15						1,2	3A.104						

TT	Mã học phần	Số TC	Tên lớp hp	Số ĐK	Tên giáo viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Ghi chú
								Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	
270	MYS331	3	Quản lý sân bãi, công trình thể thao_01(TD 20)	0	Dương Minh Cường	16/09/2024-29/12/2024	15			1,2,3	3A.503									
271	MMS341	4	Quản lý thể thao quần chúng_01(TD 20)	0	Lê Trung Kiên	07/10/2024-29/12/2024	12					1,2,3,4	3A.503							
					Lê Trung Kiên	09/12/2024-29/12/2024	3							1,2,3,4	3A.403					
272	MIC331	3	Quản lý thư viện và trung tâm thông tin_01(TV 19, TV 20, TV 21)	0	Lê Thị Quyên	19/08/2024-10/11/2024	12			10,11	3A.102									
					Lê Thị Quyên		12					1,2	3A.203							
273	TQM331	3	Quan trắc môi trường_01(MT 20)	0	Chu Thị Hồng Huyền	16/09/2024-24/11/2024	10	1,2,3	CP.1 (MT)											
					Chu Thị Hồng Huyền	14/10/2024-24/11/2024	6									1,2,3,4,5	Thực hành			
274	DFJ431	3	Quản trị ẩm thực_01 (QTDV 19 KS)	0	Trần Hoàng Tâm	19/08/2024-27/10/2024	10	7,8,9	3B.503											
275	HQM331	3	Quản trị chất lượng nhà hàng - khách sạn_01 (QTDV 19 KS)	0	Phạm Thị Hồng Nhung	19/08/2024-27/10/2024	10							7,8,9	3B.503					
276	ERM331	3	Quản trị doanh thu và chi phí_01(KND 19, KND 20)	2	MG: Đào Thị Hương	09/09/2024-03/11/2024	8					7,8,9,10,11	3A.403							
					MG: Đào Thị Hương		8									3,4,5	3A.403			
277	SUM231	3	Quản trị khởi nghiệp_01 (TT 21, Toán 21, HóaGV 21, Sử 21, Văn 21)	15	Trần Thị Hồng	19/08/2024-01/12/2024	15					7,8,9	3A.304							
278	FDJ231	3	Quản trị kinh doanh_01 (KHQL 21)	31	MG: La Thị Duyên	19/08/2024-01/12/2024	15									9,10,11	3B.301			
279	TBA321	2	Quản trị kinh doanh du lịch_01(DL 20 NĐ)	0	Hoàng Thị Phương Nga	16/09/2024-29/12/2024	15	4,5	3A.102											

TT	Mã học phần	Số TC	Tên lớp hp	Số ĐK	Tên giáo viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Ghi chú
								Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	
280	HRM332	3	Quản trị nhân sự trong khách sạn và khu nghỉ dưỡng_01(KND 19, KND 20)	2	Đỗ Thị Vân Hương	19/08/2024-27/10/2024	10							1,2,3	3A.403					
281	JFK431	3	Quản trị tiền sảnh_01(QTDV 20 KS)	1	Nguyễn Hồng Vân	16/09/2024-29/12/2024	15									4,5	3A.501			
					Nguyễn Hồng Vân		15	2,3	3A.103											
282	ADV331	3	Quảng cáo_01(BC 19)	0	Phạm Thị Hải Yến	19/08/2024-10/11/2024	12					7,8,9	3B.201							
					Phạm Thị Hải Yến		12									7,8	3B.104			
283	OPT231	3	Quang học_01(Lý 21)	1	Nguyễn Thị Khánh Vân	19/08/2024-01/12/2024	15			1,2,3	CP.4 (Lý)									
284	RAR431	3	Sản xuất tác phẩm phát thanh_01(BC 20)	0	Đinh Thị Quỳnh Trang	16/09/2024-29/12/2024	15	4,5	PNV											
					Đinh Thị Quỳnh Trang		15						3,4	PNV						
285	UEH331	3	Sử dụng và đánh giá nhân lực_01(KHQL 19)	4	MG: Nguyễn Anh Thư	19/08/2024-10/11/2024	12											7,8,9,10	3A.104	
286	END431	3	Tai biến thiên nhiên_01(QLTN 21)	7	Trần Thị Ngọc Hà	19/08/2024-01/12/2024	15									10,11	3A.403			
					Trần Thị Ngọc Hà	02/09/2024-13/10/2024	6											7,8,9,10,11	Thực hành	
287	SIT332	3	Tài nguyên thiên nhiên_01(QLTN 21)	7	Nguyễn Thị Bích Hạnh	19/08/2024-01/12/2024	15					10,11	3A.104							
					Nguyễn Thị Bích Hạnh	26/08/2024-06/10/2024	6			7,8,9,10,11	Thực hành									
288	LEP221	2	Tâm lý học pháp lý_01(DVPL 19)	0	Lê Văn Cảnh	19/08/2024-27/10/2024	10					7,8	3B.401							
					Lê Văn Cảnh		10									7,8	3B.401			

TT	Mã học phần	Số TC	Tên lớp hp	Số ĐK	Tên giáo viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Ghi chú
								Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	
289	PSC231	3	Tham vấn tâm lý_01 (CTXH 21)	9	Nguyễn Thị Ngọc Mai	19/08/2024-01/12/2024	15							7,8	3A.102					
290	CTE331	3	Thiết bị dạy học dùng chung ở cơ sở giáo dục phổ thông_01(TV 21)	0	Hoàng Hoài Nam	19/08/2024-01/12/2024	15											2,3,4,5	PM 3	
291	GRD231	3	Thiết kế đồ họa_01(TT 19, Toán 19)	0	Hoàng Thị Hà	19/08/2024-10/11/2024	12			7,8,9,10,11	PM 3									
292	KCT321	2	Thiết kế phát triển thuốc_01(Dược 19, Dược 20)	0	Khiếu Thị Tâm	19/08/2024-27/10/2024	10									1,2,3	CP.5 (Hóa)			
293	JFY431	3	Thiết kế sản phẩm báo chí_01(BC 19)	0	Phạm Anh Nguyên	19/08/2024-29/09/2024	6	7,8,9	PNV											
					Phạm Anh Nguyên		6			10,11	PNV									
					Nguyễn Thái Sơn	30/09/2024-10/11/2024	6			10,11	PNV									
					Nguyễn Thái Sơn		6	7,8,9	PNV											
294	RSD321	2	Thống kê kinh tế_01(KND 21, KND 20)	0	Mai Viết Thuận	19/08/2024-01/12/2024	15									1,2	3A.203			
295	STA331	3	Thống kê ứng dụng_01 (Toán 19)	0	Dương Thị Hồng	19/08/2024-10/11/2024	12							7,8,9,10	3B.201					
296	SOS231	3	Thống kê xã hội học_01 (CTXH 21)	9	Dương Thị Hồng	19/08/2024-01/12/2024	15					7,8,9,10	3A.102							
297	EMO231	3	Thực hành Điện, Từ, Quang_01(Lý 21)	1	Nguyễn Văn Khiển	19/08/2024-01/12/2024	15					1,2,3	PTN							
					Lê Tiến Hà		15									1,2,3	PTN			
298	BCL231	3	Thực hành hóa cơ sở_01(HóaGV 21)	0	Nguyễn Thị Hồng Hoa	19/08/2024-01/12/2024	15									1,2,3,4,5	PTN			
299	SPP231	3	Thực hành Vật lý chất rắn_01(Lý 19)	0	Lê Văn Hoàng	19/08/2024-10/11/2024	12			1,2,3,4	PTN									
					Lê Văn Hoàng		12							7,8,9,10	PTN					

TT	Mã học phần	Số TC	Tên lớp hp	Số ĐK	Tên giáo viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Ghi chú
								Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	
300	PYC431	3	Thực tập hóa vô cơ_01 (Hóa 21)	0	Nguyễn Thị Ngọc Linh	19/08/2024-01/12/2024	15			7,8,9,10,11	PTN									
					Nguyễn Thị Ngọc Linh	11/11/2024-01/12/2024	3									1,2,3,4,5	PTN			
301	HYD222	2	Thủy khí_01(Hóa 19, Hóa 20)	0	Lưu Tuấn Dương	19/08/2024-27/10/2024	10					7,8,9	CP.5 (Hóa)							
302	ENG242	4	Tiếng Anh 2A_01(Anh 21)	5	Nguyễn Hải Quỳnh	19/08/2024-01/12/2024	15									1,2,3,4	3A.201			
303	ENG242	4	Tiếng Anh 2A_02(AT 21 1)	9	Nguyễn Hải Quỳnh	19/08/2024-01/12/2024	15					8,9	3A.104							
					Nguyễn Hải Quỳnh		15									7,8	3A.301			
304	ENG242	4	Tiếng Anh 2A_03(AH 21, AT 21 2)	10	Nguyễn Hải Quỳnh	19/08/2024-01/12/2024	15			10,11	3A.303									
					Nguyễn Hải Quỳnh		15						7,8	3A.303						
305	ENG242	4	Tiếng Anh 2A_04(Văn 21)	14	Nguyễn Hải Quỳnh	19/08/2024-01/12/2024	15					10,11	3A.302							
					Nguyễn Hải Quỳnh		15									10,11	3A.302			
306	ENG242	4	Tiếng Anh 2A_05(TT 21, Toán 21, HóaGV 21, Sử 21)	1	Nguyễn Hải Quỳnh	19/08/2024-01/12/2024	15			7,8	3A.104									
					Nguyễn Hải Quỳnh		15						10,11	3A.104						
307	ENG133	3	Tiếng Anh 3_01(QTDV 21)	20	Bùi Thị Ngoan	19/08/2024-01/12/2024	15			7,8,9	3B.403									
308	ENG133	3	Tiếng Anh 3_02(DL 21)	8	Nguyễn Giang An	19/08/2024-01/12/2024	15									7,8,9	3B.402			
309	ENG133	3	Tiếng Anh 3_03(Luật 1 21)	6	Bùi Thị Ngoan	19/08/2024-01/12/2024	15					7,8,9	3A.401							

TT	Mã học phần	Số TC	Tên lớp hp	Số ĐK	Tên giáo viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Ghi chú
								Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	
310	ENG133	3	Tiếng Anh 3_04(Luật 21, TD 21)	1	Bùi Thị Ngoan	19/08/2024-01/12/2024	15									7,8,9	3A.402			
311	ENG133	3	Tiếng Anh 3_05(KHQL 21)	31	Nguyễn Giang An	19/08/2024-01/12/2024	15			7,8,9	3B.301									
312	ENG133	3	Tiếng Anh 3_06(BC 21, CTXH 21)	9	Phan Thị Hòa	19/08/2024-01/12/2024	15	9,10,11	3A.102											
313	ENG133	3	Tiếng Anh 3_07(QLTN 21, Lý 21, TV 21, Hóa 21)	1	Cao Duy Trinh	19/08/2024-01/12/2024	15					7,8,9	3A.303							
314	ENC351	5	Tiếng Anh 3A_01(Anh 20)	0	Phan Thị Hòa	16/09/2024-29/12/2024	15			1,2	3A.501									
					Phan Thị Hòa		15							3,4,5	3A.501					
315	ENC351	5	Tiếng Anh 3A_02(AT 20, AH 20)	0	Phan Thị Hòa	16/09/2024-29/12/2024	15			3,4,5	3A.502									
					Phan Thị Hòa		15							1,2	3A.502					
316	ENC352	5	Tiếng Anh 3B_01(Anh 20)	0	Nguyễn Thị Tuyết	16/09/2024-29/12/2024	15					1,2	3A.501							
					Nguyễn Thị Tuyết		15	3,4,5	3A.501											
317	ENC352	5	Tiếng Anh 3B_02(AT 20, AH 20)	0	Nguyễn Thị Tuyết	16/09/2024-29/12/2024	15					3,4,5	3A.502							
					Nguyễn Thị Tuyết		15	1,2	3A.502											
318	GSL231	3	Tiếng Anh chuyên ngành Văn học_01(Văn 19)	0	Bùi Linh Huệ	19/08/2024-10/11/2024	12			7,8	3B.504									
					Bùi Linh Huệ		12							7,8	3B.504					
319	IBD241	4	Tiếng Anh Du lịch_01 (Anh 21)	8	Nguyễn Thị Tuyết	19/08/2024-01/12/2024	15			7,8	3A.203									
					Nguyễn Thị Tuyết		15							9,10	3A.304					

TT	Mã học phần	Số TC	Tên lớp hp	Số ĐK	Tên giáo viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Ghi chú
								Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	
320	IBD241	4	Tiếng Anh Du lịch_02(AT 21 1)	9	Nguyễn Thị Tuyết	19/08/2024-01/12/2024	15	7,8	3A.304											
					Nguyễn Thị Tuyết		15			10,11	3A.301									
321	IBD241	4	Tiếng Anh Du lịch_03(AT 21 2, AH 21)	7	Nguyễn Thị Tuyết	19/08/2024-01/12/2024	15	9,10	3A.301											
					Nguyễn Thị Tuyết		15					7,8	3A.301							
322	EEF331	3	Tiếng Anh Kinh tế - Tài chính_01(Anh 19)	0	Phạm Phương Hoa	19/08/2024-10/11/2024	12			8,9	3B.302									
					Phạm Phương Hoa		12							7,8	3B.302					
323	ETG331	3	Tiếng Anh lễ hành_01(DL 20 NH, QTDV 20 LH)	0	Đỗ Tuyết Ngân	16/09/2024-29/12/2024	15									4,5	3A.302			
					Đỗ Tuyết Ngân	21/10/2024-29/12/2024	10			1,2,3	DL102									
324	EID331	3	Tiếng Anh Ngoại giao Quốc tế_01(Anh 19)	0	Bùi Thị Ngoan	19/08/2024-10/11/2024	12			10,11	3B.302									
					Bùi Thị Ngoan		12							9,10	3B.302					
325	EHD331	3	Tiếng Anh nhà hàng - khách sạn_01(Anh 19)	0	Nguyễn Giang An	19/08/2024-10/11/2024	12	9,10	3B.302											
					Nguyễn Giang An		12					8,9	3B.302							
326	EHD331	3	Tiếng Anh nhà hàng - khách sạn_02(QTDV 20 KS)	0	Nguyễn Hồng Vân	16/09/2024-29/12/2024	15	4,5	3A.302											
					Nguyễn Hồng Vân		15									2,3	3A.501			
327	LIK133	3	Tiếng Hàn 3_01(HQ1 21)	12	MG: Nguyễn Thị Quỳnh Chi	19/08/2024-01/12/2024	15					3,4,5	3A.101							
328	LIK133	3	Tiếng Hàn 3_02(HQ2 21)	2	MG: Nguyễn Thị Quỳnh Chi	19/08/2024-01/12/2024	15			1,2,3	3A.103									

TT	Mã học phần	Số TC	Tên lớp hp	Số ĐK	Tên giáo viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Ghi chú
								Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	
329	LIK133	3	Tiếng Hàn 3_03(HQ3 21, AH 21)	6	MG: Nguyễn Thị Quỳnh Chi	19/08/2024-01/12/2024	15	3,4,5	3A.104											
330	ACH231	3	Tiếng Hàn cơ đại_01(TQ1 19)	0	Lương Thị Thanh Dung	19/08/2024-10/11/2024	12	7,8	3B.101											
					Lương Thị Thanh Dung		12						9,10	3B.101						
					Lương Thị Thanh Dung	19/08/2024-08/09/2024	3			1,2,3,4,5	Thực hành									
331	ACH231	3	Tiếng Hàn cơ đại_02(TQ2 19)	0	Lương Thị Thanh Dung	19/08/2024-10/11/2024	12	9,10	3B.102											
					Lương Thị Thanh Dung		12						7,8	3B.102						
					Lương Thị Thanh Dung	09/09/2024-29/09/2024	3			1,2,3,4,5	Thực hành									
332	KOC231	3	Tiếng Hàn giao tiếp_01(HQ1 21)	10	Phạm Thị Tuyết Nhung	19/08/2024-01/12/2024	15			2,3	3A.101									
					Phạm Thị Tuyết Nhung		15						4,5	3A.101						
333	KOC231	3	Tiếng Hàn giao tiếp_02(HQ2 21)	1	Phạm Thị Tuyết Nhung	19/08/2024-01/12/2024	15			4,5	3A.103									
					Phạm Thị Tuyết Nhung		15								1,2	3A.103				
334	KOC231	3	Tiếng Hàn giao tiếp_03(HQ3 21)	3	Phạm Thị Tuyết Nhung	19/08/2024-01/12/2024	15						1,2	3A.404						
					Phạm Thị Tuyết Nhung		15								3,4	3A.202				
335	ADK242	4	Tiếng Hàn nâng cao 2_01(HQ1 20)	2	MG: Lee Seung Baek	16/09/2024-29/12/2024	15	8,9	3A.404											
					MG: Lee Seung Baek		15						7,8	3A.404						



TT	Mã học phần	Số TC	Tên lớp hp	Số ĐK	Tên giáo viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Ghi chú
								Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	
336	ADK242	4	Tiếng Hàn nâng cao 2_02(HQ2 20)	6	MG: Lee Seung Baek	16/09/2024-29/12/2024	15	10,11	3A.501											
					MG: Lee Seung Baek		15					8,9	3A.501							
337	ADK242	4	Tiếng Hàn nâng cao 2_03(HQ3 20)	0	MG: Lee Seung Baek	16/09/2024-29/12/2024	15					10,11	3A.502							
					MG: Lee Seung Baek		15							10,11	3A.502					
338	CHE233	3	Tiếng Trung 3_01(AT 21 1)	9	Ngô Thị Minh Loan	19/08/2024-01/12/2024	15									9,10,11	3A.301			
339	CHE233	3	Tiếng Trung 3_02(Anh 21, AT 21 2)	9	Ngô Thị Minh Loan	19/08/2024-01/12/2024	15			3,4,5	3A.204									
340	CFE231	3	Tiếng Trung chuyên ngành Kinh tế_01(TQ1 19)	0	MG: Vi Thị Hoa	19/08/2024-20/10/2024	9											10,11	3A.304	
					MG: Vi Thị Hoa		9											3,4,5	3A.101	
341	CFE231	3	Tiếng Trung chuyên ngành Kinh tế_02(TQ2 19)	0	MG: Vi Thị Hoa	19/08/2024-20/10/2024	9											7,8,9	3A.304	
					MG: Vi Thị Hoa		9											1,2	3A.101	
342	CDJ233	3	Tiếng Trung tổng hợp 3_01(TQ1 21)	49	Phạm Bắc Thanh	19/08/2024-20/10/2024	9	7,8	3A.101											
					Phạm Bắc Thanh		9							9,10,11	3A.101					
					Phạm Bắc Thanh	21/10/2024-10/11/2024	3											1,2,3,4,5	Thực hành	
343	CDJ233	3	Tiếng Trung tổng hợp 3_02(TQ2 21)	39	Phạm Bắc Thanh	19/08/2024-20/10/2024	9			7,8	3A.103									
					Phạm Bắc Thanh		9	9,10,11	3A.103											
					Phạm Bắc Thanh	21/10/2024-10/11/2024	3											7,8,9,10,11	Thực hành	

TT	Mã học phần	Số TC	Tên lớp hp	Số ĐK	Tên giáo viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Ghi chú
								Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	
344	CDJ233	3	Tiếng Trung tổng hợp 3_03(TQ3 21)	47	Phạm Bắc Thanh	19/08/2024-20/10/2024	9			9,10,11	3A.201									
					Phạm Bắc Thanh		9					7,8	3A.201							
					Phạm Bắc Thanh	11/11/2024-01/12/2024	3											1,2,3,4,5	Thực hành	
345	CDJ233	3	Tiếng Trung tổng hợp 3_04(TQ4 21)	54	Phạm Bắc Thanh	19/08/2024-20/10/2024	9							7,8	3A.202					
					Phạm Bắc Thanh		9					9,10,11	3A.202							
					Phạm Bắc Thanh	11/11/2024-01/12/2024	3									1,2,3,4,5	Thực hành			
346	CDJ233	3	Tiếng Trung tổng hợp 3_05(TQ5 21)	69	Lương Thị Thanh Dung	19/08/2024-20/10/2024	9			7,8	3A.204									
					Lương Thị Thanh Dung		9					7,8,9	3A.204							
					Lương Thị Thanh Dung	21/10/2024-10/11/2024	3											1,2,3,4,5	Thực hành	
347	API231	3	Tin học ứng dụng_01(KND 20)	0	Vũ Thị Phương	16/09/2024-29/12/2024	15					1,2	PM 4							
					Nguyễn Huyền Trang		15			7,8,9	PM 2									
348	IAC221	2	Tin học ứng dụng trong hóa dược_01(Dược 19, Dược 20)	0	Nguyễn Hoàng Anh	19/08/2024-27/10/2024	10							7,8,9	PM 4					
349	AIM231	3	Tin học ứng dụng trong quản lý_01(KHQL 20)	4	Trịnh Thanh Hải	16/09/2024-24/11/2024	10	3,4,5	3A.404											
350	AIM231	3	Tin học ứng dụng trong quản lý_01(KHQL 20)_TH1	4	Nông Tuấn Ngọc	21/10/2024-29/12/2024	10					3,4,5	PM 3							
351	AIM231	3	Tin học ứng dụng trong quản lý_01(KHQL 20)_TH2	0	Nông Tuấn Ngọc	21/10/2024-29/12/2024	10							3,4,5	PM 3					

TT	Mã học phần	Số TC	Tên lớp hp	Số ĐK	Tên giáo viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Ghi chú
								Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	
352	OGS231	3	Tổ chức học_01(KHQL 21)	31	Trần Thị Hồng	19/08/2024-01/12/2024	15							9,10,11	3B.301					
353	OOE331	3	Tổ chức sự kiện_01(DL 20 NĐ)	0	Đỗ Tuyết Ngân	16/09/2024-29/12/2024	15							1,2	3A.302					
354	LAC331	3	Tội phạm học _01(Luật1 19)	3	Dương Thị Xuân Quý	19/08/2024-27/10/2024	10	8,9	3B.303											
					Dương Thị Xuân Quý		10			7,8,9	3B.303									
355	LAC331	3	Tội phạm học _02(Luật2 19)	9	Dương Thị Xuân Quý	19/08/2024-27/10/2024	10					7,8,9	3B.304							
					Dương Thị Xuân Quý		10	10,11	3B.304											
356	RBT331	3	Tôn giáo và tín ngưỡng ở VN_01(DL 20 NĐ)	0	Mai Thị Hồng Vĩnh	16/09/2024-29/12/2024	15							3,4,5	3A.302					
357	SRB331	3	Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp_01(KHQL 19)	4	MG: Tổng Văn Tuyên	19/08/2024-10/11/2024	12			7,8,9,10	3A.502									
358	FJF341	4	Trợ giúp xã hội_01(CTXH 20)	0	Trần Thị Phương Thảo	16/09/2024-29/12/2024	15									3,4,5	3A.503			
359	FJF231	3	Trợ giúp xã hội_02(CTXH 21)	9	Trần Thị Phương Thảo	19/08/2024-01/12/2024	15							9,10,11	3A.102					
360	SOM231	3	Truyền thông mạng xã hội _01(BC 20)	0	Phạm Thị Hải Yến	16/09/2024-29/12/2024	15					3,4	3A.304							
					Phạm Thị Hải Yến		15									1,2	3A.102			
361	PIL331	3	Truyền thông quan hệ công chúng_01(Sử 20, Sử 19)	0	Vi Thị Phương	16/09/2024-03/11/2024	7							9,10,11	3A.303					
					Ngô Ngọc Linh	04/11/2024-29/12/2024	8							9,10,11	3A.303					
362	PIL322	2	Truyền thông quan hệ công chúng_02(Văn 20, Văn 19)	0	Vi Thị Phương	16/09/2024-29/12/2024	15									1,2	3B.104			

TT	Mã học phần	Số TC	Tên lớp hp	Số ĐK	Tên giáo viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Ghi chú
								Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	
363	TTP424	2	TT KTXN4: Sinh học phân tử_01(CNSH 19)_TH1	1	Trương A Tài	19/08/2024-10/11/2024	12			1,2,3,4,5	PTN									
364	TTP424	2	TT KTXN4: Sinh học phân tử_01(CNSH 19)_TH2	0	Trương A Tài	19/08/2024-10/11/2024	12									7,8,9,10,11	PTN			
365	MSC231	3	Tư học và siêu dẫn_01(Lý 19)	0	Chu Thị Anh Xuân	19/08/2024-10/11/2024	12	9,10	CP.4 (Lý)											
					Chu Thị Anh Xuân		12					9,10	CP.4 (Lý)							
366	HPW331	3	Tư pháp quốc tế_01(DVPL 20)	4	Nguyễn Thị Quỳnh Trang	16/09/2024-22/12/2024	14	2,3	3A.303											
					Nguyễn Thị Quỳnh Trang		14			4,5	3A.303									
367	HCM121	2	Tư tưởng Hồ Chí Minh_01(Luật1 19, DVPL 19)	3	Lê Thị Quỳnh Liu	19/08/2024-27/10/2024	10							9,10,11	3B.303					
368	HCM121	2	Tư tưởng Hồ Chí Minh_02(Luật2 19, Văn 19, KND 19)	11	Đinh Thị Hiền	19/08/2024-27/10/2024	10			9,10,11	3B.304									
369	HCM121	2	Tư tưởng Hồ Chí Minh_03(TQ1 20, TV 20)	4	Lê Thị Quỳnh Liu	16/09/2024-29/12/2024	15	1,2	3A.201											
370	HCM121	2	Tư tưởng Hồ Chí Minh_04(TQ2 20)	5	Lê Thị Quỳnh Liu	16/09/2024-29/12/2024	15	4,5	3A.202											
371	HCM121	2	Tư tưởng Hồ Chí Minh_05(TQ3 20)	1	Lê Thị Quỳnh Liu	16/09/2024-29/12/2024	15									1,2	3A.204			
372	HCM121	2	Tư tưởng Hồ Chí Minh_06(TQ4 20, Sử 20)	1	Lê Thị Quỳnh Liu	16/09/2024-29/12/2024	15							1,2	3A.301					
373	HCM121	2	Tư tưởng Hồ Chí Minh_07(HQ1 20)	3	Lê Thị Quỳnh Liu	16/09/2024-29/12/2024	15			10,11	3A.404									
374	HCM121	2	Tư tưởng Hồ Chí Minh_08(HQ2 20)	6	Lê Thị Quỳnh Liu	16/09/2024-29/12/2024	15			7,8	3A.501									

TT	Mã học phần	Số TC	Tên lớp hp	Số ĐK	Tên giáo viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Ghi chú
								Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	
375	HCM121	2	Tư tưởng Hồ Chí Minh_09(HQ3 20, TD 20)	0	Lê Thị Quỳnh Liu	16/09/2024-29/12/2024	15	10,11	3A.502											
376	CHV231	3	Tư vụng tiếng Trung_01(TQ1 21)	48	MG: Nguyễn Thị Mai	16/09/2024-17/11/2024	9					7,8	3A.101							
					MG: Nguyễn Thị Mai		9											9,10,11	3A.101	
377	CHV231	3	Tư vụng tiếng Trung_02(TQ2 21)	45	MG: Nguyễn Thị Mai	16/09/2024-17/11/2024	9					9,10,11	3A.103							
					MG: Nguyễn Thị Mai		9									7,8	3A.103			
378	CHV231	3	Tư vụng tiếng Trung_03(TQ3 21)	53	MG: Nguyễn Thị Mai	16/09/2024-17/11/2024	9									9,10,11	3A.201			
					MG: Nguyễn Thị Mai		9											7,8	3A.201	
379	CHV231	3	Tư vụng tiếng Trung_04(TQ4 21)	47	MG: Ngô Thị Hoài Linh	16/09/2024-17/11/2024	9									7,8	3A.202			
					MG: Ngô Thị Hoài Linh		9						9,10,11	3A.202						
380	CHV231	3	Tư vụng tiếng Trung_05(TQ5 21)	66	MG: Ngô Thị Hoài Linh	16/09/2024-17/11/2024	9									9,10,11	3A.204			
					MG: Ngô Thị Hoài Linh		9						7,8	3A.204						
381	HFF331	3	Ứng dụng CNTT trong du lịch_01(QTDV 20)	0	Vũ Thị Phương	16/09/2024-10/11/2024	8					4,5	3A.201							
382	HFF331	3	Ứng dụng CNTT trong du lịch_01(QTDV 20)_TH1	0	Vũ Thị Phương	16/09/2024-29/12/2024	15					7,8,9,10	PM 4							
383	HFF331	3	Ứng dụng CNTT trong du lịch_01(QTDV 20)_TH2	0	Vũ Thị Phương	16/09/2024-29/12/2024	15			7,8,9,10	PM 4									
384	HFF331	3	Ứng dụng CNTT trong du lịch_01(QTDV 20)_TH3	0	Vũ Thị Phương	16/09/2024-29/12/2024	15	7,8,9,10	PM 4											

TT	Mã học phần	Số TC	Tên lớp hp	Số ĐK	Tên giáo viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Ghi chú
								Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	
385	HFF331	3	Ứng dụng CNTT trong du lịch_02(DL 21)	5	Vũ Thị Phương	09/09/2024-03/11/2024	8									10,11	3B.402			
386	HFF331	3	Ứng dụng CNTT trong du lịch_02(DL 21)_TH1	1	Vũ Thị Phương	09/09/2024-01/12/2024	12							1,2,3,4,5	PM 4					
387	HFF331	3	Ứng dụng CNTT trong du lịch_02(DL 21)_TH2	4	Vũ Thị Phương	09/09/2024-01/12/2024	12									1,2,3,4,5	PM 4			
388	DKK331	3	Văn hóa doanh nghiệp_01(QTDV 20)	1	Dương Thùy Linh	16/09/2024-29/12/2024	15							1,2,3	3A.304					
389	LRT331	3	Văn học Trung Quốc_01(TQ1 19)	0	MG: Đỗ Thị Thúy Hà	19/08/2024-	12			7,8	3B.101									
					MG: Đỗ Thị Thúy Hà	10/11/2024	12									1,2	3A.101			
390	LRT331	3	Văn học Trung Quốc_02(TQ2 19)	0	MG: Đỗ Thị Thúy Hà	19/08/2024-	12			9,10	3B.102									
					MG: Đỗ Thị Thúy Hà	10/11/2024	12									3,4	3A.104			
391	DFS331	3	Văn học Việt Nam đương đại_01(Văn 20)	0	Nguyễn Diệu Linh	16/09/2024-29/12/2024	15					3,4,5	3A.403							
392	VFL331	3	Văn học Việt Nam trung đại 1_01(Văn 21)	14	Phạm Thị Phương Thái	19/08/2024-01/12/2024	15			7,8,9	3A.302									
393	PSS331	3	Vật lý chất rắn_01(Lý 19)	0	Chu Thị Anh Xuân	19/08/2024-	12			9,10	CP.4 (Lý)									
					Chu Thị Anh Xuân	10/11/2024	12									9,10	CP.4 (Lý)			
394	ATP331	3	Vật lý hạt nhân nguyên tử_01(Lý 21)	1	Nguyễn Thị Luyến	19/08/2024-01/12/2024	15							1,2,3	CP.4 (Lý)					
395	PSD231	3	Vật lý và linh kiện bán dẫn_01(Lý 19)	0	Nguyễn Thị Hiền	19/08/2024-	12			7,8	CP.4 (Lý)									
					Nguyễn Thị Hiền	10/11/2024	12									7,8	CP.4 (Lý)			



TT	Mã học phần	Số TC	Tên lớp hp	Số ĐK	Tên giáo viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Ghi chú
								Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	
396	DJF331	3	Vi sinh 1_01(CNSH 21)	0	Đinh Thị Lan	19/08/2024-01/12/2024	15			9,10,11	3A.403									
					Đinh Thị Lan	07/10/2024-01/12/2024	8							7,8,9,10	PTN					
397	DJF332	3	Vi sinh 2_01(CNSH 20)	1	Đinh Thị Lan	16/09/2024-10/11/2024	8					4,5	3A.102							
					Đinh Thị Lan	07/10/2024-29/12/2024	12									1,2,3,4,5	PTN			
398	KOS231	3	Xã hội Hàn Quốc_01 (HQ1 20)	1	MG: Nguyễn Thị Thắm	16/09/2024-29/12/2024	15							9,10,11	3A.404					
399	KOS231	3	Xã hội Hàn Quốc_02 (HQ2 20)	5	MG: Nguyễn Thị Thắm	16/09/2024-29/12/2024	15			9,10,11	3A.501									
400	KOS231	3	Xã hội Hàn Quốc_03 (HQ3 20)	0	MG: Nguyễn Thị Thắm	16/09/2024-29/12/2024	15									9,10,11	3A.502			
401	GES132	3	Xã hội học đại cương_01 (Luật1 19, Sử 19)	1	Trần Thị Phương Thảo	19/08/2024-10/11/2024	12							7,8	3B.303					
					Trần Thị Phương Thảo		12					1,2	3A.104							
402	GES132	3	Xã hội học đại cương_02 (Luật2 19)	9	Trần Thị Phương Thảo	19/08/2024-10/11/2024	12			7,8	3B.304									
					Trần Thị Phương Thảo		12									7,8	3B.303			
403	CLD331	3	Xây dựng văn bản pháp luật_01(Luật1 19)	3	Lê Thanh Huyền	19/08/2024-10/11/2024	12			10,11	3B.303									
					Lê Thanh Huyền		12					10,11	3B.303							
404	CLD331	3	Xây dựng văn bản pháp luật_02(Luật2 19)	9	Lê Thanh Huyền	19/08/2024-10/11/2024	12											8,9,10,11	3B.304	
405	PRO331	3	Xử lý ảnh_01(TT 19)	0	Hoàng Hoài Nam	19/08/2024-10/11/2024	12							8,9,10,11	PM 3					

TT	Mã học phần	Số TC	Tên lớp hp	Số ĐK	Tên giáo viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Ghi chú
								Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	
406	SPT421	2	Xử lý mẫu_01(Hóa 19, Hóa 20)	0	Phạm Thị Thu Hà	19/08/2024-10/11/2024	12									9,10,11	CP.5 (Hóa)			
407	LAP431	3	Xử lý nội dung tài liệu_01 (TV 19, TV 20)	0	Hà Thị Thu Hiếu	19/08/2024-27/10/2024	10			7,8,9	3A.102									
408	MOB331	3	Y sinh học phân tử_01 (CNSH 20)	1	Hoàng Thị Thu Yến	16/09/2024-24/11/2024	10							1,2,3	3A.201					
					Hoàng Thị Thu Yến	25/11/2024-29/12/2024	5							7,8,9, 10,11	PTN					

Ghi chú:

- Các lớp học phần CP. học tại Khu Trung tâm thí nghiệm thực hành;
- Các học phần Giáo dục thể chất học tại Khu sân tập cạnh Nhà thi đấu đa năng
- Các học phần thực tập thực tế, giờ thực hành sẽ thông báo sau khi thống nhất kế hoạch với các Khoa

Nơi nhận:

- BGH (b/c);
- Các Khoa/ Viện/ Bộ môn;
- Các phòng chức năng;
- Website;
- Lưu: ĐT.

TL. HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG PHÒNG ĐÀO TẠO



PGS.TS. Vũ Xuân Hòa

